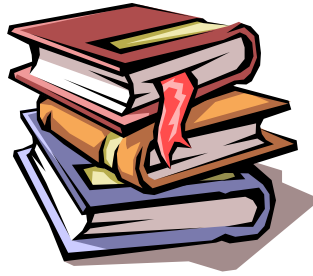


Tailieumontoan.com



Điện thoại (Zalo) 039.373.2038



CHUYÊN ĐỀ
TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU



Tài liệu sưu tầm, ngày 8 tháng 12 năm 2020

CHUYÊN ĐỀ 8: TÌM HAI SỐ KHI BIẾT TỔNG VÀ HIỆU.**A. KIẾN THỨC CẦN NHỚ.****1. Tìm hai số khi biết tổng và hiệu của hai số đó theo 2 cách:****Cách 1:** Tìm số bé trước

Số bé = $(\text{tổng} - \text{hiệu}) : 2$

Số lớn = $\text{tổng} - \text{số bé}$

Hay số lớn = $\text{hiệu} + \text{số bé}$

$= (\text{tổng} + \text{hiệu}) : 2.$

Cách 2: Tìm số lớn trước

Số lớn = $(\text{tổng} + \text{hiệu}) : 2$

Số bé = $\text{tổng} - \text{số lớn}.$

Hay số bé = $\text{số lớn} - \text{hiệu}$

$= (\text{tổng} - \text{hiệu}) : 2.$

Chú ý: Chọn cách 1 hoặc cách 2 sao cho phép tính nhằm dễ nhất (tổng hoặc hiệu tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn,... hoặc là phép cộng hay trừ không nhớ,...)**Bài toán 1:** Cho hai số có tổng là 98, hiệu hai số là 18. Tìm số lớn.*Phân tích:* Đây là dạng cơ bản, đã biết tổng hiệu. Ta chỉ việc áp dụng công thức.**Lời giải**

Theo đề bài ta có sơ đồ:

Số lớn là: $(98 + 18) : 2 = 58$

Hoặc: Số bé là: $(98 - 18) : 2 = 40$

Số lớn là: $40 + 18 = 58.$

Đáp số: 58.**2. Khi bài toán ẩn tổng hoặc ẩn hiệu thì ta phải tìm ra tổng hoặc hiệu rồi mới tìm số lớn, số bé.****Bài toán 2:** Cho hai số có tổng là số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau. Hiệu hai số là 105 tìm số bé.*Phân tích:* Đề bài cho biết hiệu và dấu tổng. Ta phải tìm tổng trước.**Lời giải**

Tổng hai số là số lớn nhất có 3 chữ số khác nhau là: 987

Số bé là: $(987 - 105) : 2 = 441$

Đáp số: 441.

Bài toán 3: Lớp 4A có 35 học sinh. Giờ thể dục có 3 bạn nữ bị đau chân, ở lại trên lớp nên dưới sân số nam nhiều hơn số nữ là 6 bạn. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nữ, bao nhiêu học sinh nam?

Phân tích: Bài này đã cho tổng và hiệu. Ta tìm hiệu rồi đưa bài toán về dạng cơ bản.

Lời giải

Số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ số bạn là: $6 - 3 = 3$ (học sinh)

Số học sinh nam là: $(35 + 3) : 2 = 19$ (học sinh)

Số học sinh nữ là: $19 - 3 = 16$ (học sinh)

Đáp số: 19 học sinh nam, 16 học sinh nữ.

Bài toán 4: Tổng 2 số là số lớn nhất có 3 chữ số. Hiệu của chúng là số lẻ nhỏ nhất có 3 chữ số. Tìm mỗi số.

Phân tích: Bài toán này dấu cả tổng và hiệu, ta tìm tổng và hiệu rồi đưa về dạng cơ bản.

Lời giải

Tổng hai số là: 999

Hiệu hai số là: 101

Số lớn là: $(999 + 101) : 2 = 550$

Số bé là: $550 - 101 = 449$

Đáp số: 550; 449.

3. Khi tổng và hiệu không cùng một thời điểm thì ta phải đưa tổng và hiệu về cùng một thời điểm rồi mới tìm số lớn, số bé.

Bài toán 5: Hiện nay, bố hơn con 25 tuổi. 10 năm nữa tổng số tuổi của hai bố con là 75 tuổi. Tính tuổi bố, tuổi con hiện nay.

Phân tích: Bài này hiệu và tổng không cùng một thời điểm, ta đưa về cùng một thời điểm – dạng cơ bản rồi giải.

Lời giải

Cách 1: Đưa về thời điểm hiện tại:

Tổng số tuổi hai bố con hiện nay là: $75 - 10 \times 2 = 55$ (tuổi)

Tuổi bố hiện nay là: $(55 + 25) : 2 = 40$ (tuổi)

Tuổi con hiện nay là: $40 - 25 = 15$ (tuổi)

Cách 2: Đưa về thời điểm 10 năm nữa.

Vì mỗi năm con tăng 1 tuổi thì bố cũng tăng 1 tuổi nên hiệu số tuổi không thay đổi theo thời gian, 10 năm nữa bố vẫn hơn con 25 tuổi.

Tuổi con 10 năm nữa là: $(75 - 25) : 2 = 25$ (tuổi)

Tuổi con hiện nay là: $25 - 10 = 15$ (tuổi)

Tuổi bố hiện nay là: $15 + 25 = 40$ (tuổi)

Đáp số: Bố: 40 tuổi; con: 15 tuổi.

4. Một số dạng toán Tìm hai số biết tổng (Trung bình công) hai số và giữa chúng có n số hạng.

Trường hợp 1:

Cho hai số lẻ có tổng là A. Tìm hai số biết giữa chúng có B số chẵn liên tiếp. Hoặc cho hai số có tổng là A. Tìm hai số biết giữa chúng có B số lẻ liên tiếp.

$$\text{Hiệu} = B \times 2$$

Trường hợp 2:

Cho hai số có tổng là A (A là một số lẻ). Tìm hai số biết giữa chúng có B số lẻ (hoặc chẵn) liên tiếp.

$$\text{Hiệu} = B \times 2 + 1$$

Trường hợp 3:

Cho hai số chẵn (lẻ) có tổng là A. Tìm hai số biết giữa chúng có B số chẵn (hoặc lẻ) liên tiếp.

$$\text{Hiệu} = B \times 2 + 2$$

Trường hợp 4:

Cho hai số có tổng là A. Tìm hai số biết giữa chúng có B số tự nhiên liên tiếp.

$$\text{Hiệu} = B \times 1 + 1$$

Một số ví dụ:

Ví dụ 1: Tổng của hai số là 357, hiệu hai số là 33. Tìm hai số đó.

Lời giải

Số bé là: $(357 - 33) : 2 = 162$.

Số lớn là: $(357 + 33) : 2 = 195$.

Đáp số: 162 và 195.

Ví dụ 2: Tổng của hai số là số lẻ lớn nhất có 4 chữ số khác nhau, hiệu của hai số là số nhỏ nhất có 4 chữ số khác nhau. Tìm hai số đó.

Lời giải

Số lẻ lớn nhất có 4 chữ số khác nhau là: 9875.

Số nhỏ nhất có 4 chữ số khác nhau là: 1023.

Số bé là: $(9875 - 1023) : 2 = 4426$.

Số lớn là: $9875 - 4426 = 5449$.

Đáp số: 4426 và 5499.

Ví dụ 3: Hiện nay, mẹ hơn con 32 tuổi. Hai năm nữa tổng số tuổi của hai mẹ con là 54 tuổi. Tính tuổi mỗi người hiện nay?

Lời giải

Mỗi năm mỗi người tăng thêm 1 tuổi vậy hai người tăng thêm: $1 \times 2 = 2$ (tuổi).

Và 2 năm 2 người tăng thêm: $2 \times 2 = 4$ (tuổi).

Tổng số tuổi của hai mẹ con hiện nay là: $54 - 4 = 50$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $(50 - 32) : 2 = 9$ (tuổi).

Tuổi mẹ hiện nay là: $50 - 9 = 41$ (tuổi).

Đáp số: Con: 9 tuổi; Mẹ: 41 tuổi.

BÀI TẬP TỰ LUYỆN

Dạng 1: Cho biết cả tổng lẫn hiệu.

Một hình chữ nhật có hiệu hai cạnh liên tiếp là 24 cm và tổng của chúng là 92 cm. Tính diện tích của hình chữ nhật đã cho.

Dạng 2: Cho biết tổng nhưng dấu hiệu.

Bài 1. Tìm hai số lẻ có tổng là 186. Biết giữa chúng có 5 số lẻ.

- Bài 2.** Hai ông cháu hiện nay có tổng số tuổi là 68, biết rằng cách đây 5 năm cháu kém ông 52 tuổi. Tính số tuổi mỗi người.
- Bài 3.** Hùng và Dũng có tất cả 45 viên bi. Nếu Hùng cho đi 5 viên bi thì Hùng có nhiều hơn Dũng 14 viên. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?
- Bài 4.** Lớp 4A có 32 học sinh. Hôm nay có 3 bạn nữ nghỉ học nên số nam nhiều hơn số nữ là 5 bạn. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?
- Bài 5.** Hùng và Dũng có tất cả 46 viên bi. Nếu Hùng cho Dũng 5 viên bi thì số bi của hai bạn bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?
- Bài 6.** Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 120 m. Nếu tăng chiều rộng thêm 5 m và bớt chiều dài đi 5 m thì mảnh đất đó trở thành một mảnh đất hình vuông. Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật trên.
- Bài 7.** Hai thùng dầu có tất cả 116 lít. Nếu chuyển 6 lít từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì lượng dầu ở hai thùng bằng nhau. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?
- Bài 8.** Tìm hai số có tổng là 132. Biết rằng nếu lấy số lớn trừ đi số bé rồi cộng với tổng của chúng thì được 178.
- Bài 9.** Tìm hai số có tổng là 239. Biết rằng nếu lấy số thứ nhất trừ đi số thứ hai rồi cộng với hiệu của chúng thì được 172.
- Bài 10.** An và Bình có tất cả 120 viên bi. Nếu An cho Bình 20 viên bi thì Bình sẽ có nhiều hơn An 16 viên bi. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?
- Bài 11.** An và Bình có tất cả 120 viên bi. Nếu An cho Bình 20 viên bi thì Bình sẽ có ít hơn An 16 viên bi. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?
- Bài 12.** Hai kho gạo có 155 tấn. Nếu thêm vào kho thứ nhất 8 tấn và kho thứ hai 17 tấn thì số gạo ở mỗi kho bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi kho có bao nhiêu tấn gạo?
- Bài 13.** Ngọc có tất cả 48 viên bi vừa xanh vừa đỏ. Biết rằng nếu lấy ra 10 viên bi đỏ và 2 viên bi xanh thì số bi đỏ bằng số bi xanh. Hỏi có bao nhiêu viên bi mỗi loại?
- Bài 14.** Hai người thợ dệt được 270 m vải. Nếu người thứ nhất dệt thêm 12 m và người thứ hai dệt thêm 8 m thì người thứ nhất sẽ dệt nhiều hơn người thứ hai 10 m. Hỏi mỗi người đã dệt được bao nhiêu mét vải?
- Bài 15.** Hai thùng dầu có tất cả 132 lít. Nếu chuyển 12 lít từ thùng I sang thùng II và chuyển 7 lít từ thùng II sang thùng I thì thùng I sẽ có nhiều hơn thùng II là 14 lít. Hỏi lúc đầu mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

Dạng 3: Cho biết hiệu nhưng dấu tổng.

- Bài 16.** Tổng của hai số là một số lớn nhất có ba chữ số chia hết cho 5. Biết nếu thêm vào số bé 35 đơn vị thì ta được số lớn. Tìm mỗi số.
- Bài 17.** Trên một bãi cỏ người ta đếm được 100 cái chân vừa gà vừa chó. Biết số chân chó nhiều hơn số chân gà là 12 chiếc. Hỏi có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con chó?
- Bài 18.** Trên một bãi cỏ người ta đếm được 100 cái mắt vừa gà vừa chó. Biết số chó nhiều hơn số gà là 12 con. Hỏi có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con chó?
- Bài 19.** Tìm hai số có hiệu là 129. Biết rằng nếu lấy số thứ nhất cộng với số thứ hai rồi cộng với tổng của chúng thì được 2010.

- Bài 20.** Một phép trừ có tổng của số bị trừ, số trừ và hiệu là 7652. Hiệu lớn hơn số trừ 798 đơn vị. Hãy tìm phép trừ đó.
- Bài 21.** Tìm hai số có hiệu là 22. Biết rằng nếu lấy số lớn cộng với số bé rồi cộng với hiệu của chúng thì được 116.
- Bài 22.** Tìm hai số có hiệu là 132. Biết rằng nếu lấy số lớn cộng với số bé rồi trừ đi hiệu của chúng thì được 548.
- Bài 23.** Lan đi bộ vòng quanh sân trường vận động hết 15 phút, mỗi phút đi được 36 m. Biể chiều dài sân vận động hơn chiều rộng là 24 m. Tính diện tích của sân vận động.
- Bài 24.** Hồng có nhiều hơn Huệ 16000 đồng. Nếu Hồng có thêm 5000 đồng và Huệ có thêm 11000 nghìn đồng thì hai bạn sẽ có tất cả 70000 đồng. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu tiền?
- Bài 25.** Hồng có nhiều hơn Huệ 16000 đồng. Nếu Hồng cho đi 5000 đồng và Huệ cho 11000 nghìn đồng thì hai bạn sẽ có tất cả 70000 đồng. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu tiền?

Dạng 4: Dấu cả tổng lẫn hiệu.

- Bài 26.** Tổng hai số là số lớn nhất có 3 chữ số. Hiệu của chúng là số lẻ nhỏ nhất có 2 chữ số. Tìm mỗi số.
- Bài 27.** Tìm hai số có tổng là số lớn nhất có 4 chữ số và hiệu là số lẻ nhỏ nhất có 3 chữ số.
- Bài 28.** Tìm hai số có tổng là số bé nhất có 4 chữ số và hiệu là số chẵn lớn nhất có 2 chữ số.
- Bài 29.** Tìm hai số có hiệu là số bé nhất có 2 chữ số chia hết cho 3 và tổng là số lớn nhất có 2 chữ số chia hết cho 2.

Dạng 5: Dạng tổng hợp.

- Bài 30.** An và Bình mua chung 45 quyển vở và phải trả hết số tiền là 72000 đồng. Biết An phải trả nhiều hơn Bình 11200 đồng. Hỏi mỗi bạn đã mua bao nhiêu quyển vở?
- Bài 31.** Tổng của ba số là 1978. Số thứ nhất hơn tổng hai số kia là 58 đơn vị. Nếu bớt ở số thứ hai đi 36 đơn vị thì số thứ hai sẽ bằng số thứ ba. Tìm ba số đó.
- Bài 32.** Ba bạn Lan, Đào, Hồng có tất cả 27 cái kẹo. Nếu Lan cho Đào 5 cái, Đào cho Hồng 3 cái, Hồng lại cho Lan 1 cái thì số kẹo của ba bạn bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu cái kẹo?
- Bài 33.** Trung bình cộng số tuổi của bố, tuổi An và tuổi Hồng là 19 tuổi, tuổi bố hơn tổng số tuổi của An và Hồng là 25 tuổi. Hồng kém An 8 tuổi. Tính số tuổi của mỗi người.

B. BÀI TẬP TỔNG HỢP

- Bài 34.** Tổng hai số bằng 38560. Số lớn hơn số bé là 328 đơn vị. Tìm hai số đó.
- Bài 35.** Chu vi của thửa ruộng hình chữ nhật là 336 m. Chiều rộng kém chiều dài là 36 m. Hãy tính diện tích của thửa ruộng.

- Bài 36.** Tổng của hai số là số chẵn lớn nhất có bốn chữ số. Hiệu của hai số là số tròn chục lớn nhất có ba chữ số. Tìm hai số đó.
- Bài 37.** Một hình chữ nhật có chu vi 48 cm, chiều rộng kém chiều dài 8 cm.
- a) Tính diện tích hình đó.
- b) Một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật. Tính diện tích hình vuông đó.
- Bài 38.** Hiện nay, ông hơn cháu 62 tuổi. Hai năm nữa tổng số tuổi của hai ông cháu là 82 tuổi. Hỏi hai năm trước đây ông bao nhiêu tuổi?
- Bài 39.** Hai ngăn sách có 450 quyển sách. Người ta chuyển 78 quyển sách từ ngăn dưới lên ngăn trên thì số sách còn lại ở ngăn dưới ít hơn số sách hiện có ở ngăn trên là 28 quyển. Hỏi lúc đầu, mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách?
- Bài 40.** Tổng của hai số là 713. Nếu bớt số lớn đi 26 đơn vị thì số lớn vẫn hơn số bé là 21 đơn vị. Tìm hai số đó.
- Bài 41.** Tổng của hai số lẻ là 24778. Tìm hai số đó, biết giữa chúng còn có 4 số chẵn nữa.
- Bài 42.** Tổng của hai số có hai chữ số là 93. Nếu ghép số bé vào bên phải số lớn được một số có bốn chữ số, ghép số bé vào bên trái số lớn ta được một số có bốn chữ số khác. Hiệu của hai số có bốn chữ số là 1881. Hãy tìm hai số đó?
- Bài 43.** Một lớp có 32 học sinh. Số học sinh nam hơn số học sinh nữ là 8 bạn. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh nam?
- Bài 44.** Tổng của hai số là 1385, hiệu của hai số là 247. Tìm số lớn.
- Bài 45.** Tìm hai số biết tổng của chúng là 156 và hiệu của chúng là 46.
- Bài 46.** Tìm hai số tự nhiên biết tổng và hiệu của chúng lần lượt là 200 và 48.
- Bài 47.** Trung bình cộng của hai số là 3254. Tìm hai số đó, biết hiệu của chúng là 448.
- Bài 48.** Trung bình cộng của hai số là 1245. Hiệu hai số là 128. Tìm hai số đó.
- Bài 49.** Tổng số tuổi của hai ông cháu là 72 tuổi. Cách đây 5 năm tuổi ông hơn tuổi cháu là 54 tuổi. Tính tuổi cháu hiện nay.
- Bài 50.** Tổng số tuổi hiện nay của hai ông cháu là 85 tuổi. Tính số tuổi hiện nay của ông biết rằng cách đây 7 năm ông hơn cháu là 63 tuổi.
- Bài 51.** Tổng hai số chẵn liên tiếp là 2018. Tìm số bé.
- Bài 52.** Tổng hai số lẻ liên tiếp là 320. Tìm số lớn.
- Bài 53.** Tổng hai số chẵn là 2860. Tìm hai số đó biết rằng giữa chúng có 421 số chẵn khác.
- Bài 54.** Tổng hai số chẵn là 2016. Tìm hai số đó biết rằng giữa chúng có 48 số lẻ.
- Bài 55.** Thư viện nhà trường vừa mua 2433 quyển sách gồm sách tham khảo và sách truyện. Số sách tham khảo nhiều hơn số sách truyện 1173 quyển. Tính số sách tham khảo mà thư viện vừa mua.
- Bài 56.** Một cửa hàng gạo trong hai ngày bán được 5680 kg gạo, biết số gạo ngày thứ hai bán nhiều hơn ngày thứ nhất 46 kg. Tính số gạo bán trong ngày thứ nhất.
- Bài 57.** Thư viện của trường cho học sinh khối 4 và khối 5 mượn tất cả 568 quyển sách. Biết số sách khối 4 mượn nhiều hơn khối 5 là 54 quyển. Tính số sách mỗi khối đã mượn trong thư viện nhà trường.

- Bài 58.** Hai số có trung bình cộng bằng 62, số thứ nhất hơn số thứ hai 24 đơn vị. Tìm hai số.
- Bài 59.** Vụ mùa vừa qua gia đình bác Huyền và gia đình bác Liên thu hoạch được 450 bắp ngô. Nếu gia đình bác Liên thu thêm 20 bắp ngô nữa thì số ngô hai nhà thu được bằng nhau. Tính số ngô mỗi nhà thu được.
- Bài 60.** Tổng của hai số chẵn liên tiếp là số chẵn lớn nhất có bốn chữ số. Tìm hai số đó.
- Bài 61.** Tìm hai số tự nhiên liên tiếp biết tổng của chúng bằng 379.
- Bài 62.** Hai số có tổng bằng 234, số lớn hơn số bé 24 đơn vị. Tìm hai số đó.
- Bài 63.** Hai thùng chứa tất cả 50 lít dầu. Nếu đổ 12 lít dầu từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì số dầu ở hai thùng bằng nhau. Tính số dầu có ở mỗi thùng?
- Bài 64.** Minh và Hoàng cùng nhau sưu tầm tem và đã sưu tầm được tất cả 289 con tem. Biết số tem của Minh nhiều hơn số tem của Hoàng là 17 con. Tính số tem mỗi bạn sưu tầm được.
- Bài 65.** Hùng và Dũng có tất cả 45 viên bi. Nếu Hùng có thêm 5 viên bi thì Hùng có nhiều hơn Dũng 14 viên bi. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?
- Bài 66.** Tìm hai số có tổng là số lẻ lớn nhất có hai chữ số, hiệu là số lẻ bé nhất có hai chữ số.
- Bài 67.** Tìm hai số chẵn liên tiếp biết tổng của chúng bằng 294.
- Bài 68.** Hai đội trồng rừng được 456 cây. Biết đội thứ nhất trồng nhiều hơn đội thứ hai 34 cây. Tính số cây mỗi đội trồng được.
- Bài 69.** Tìm hai số lẻ liên tiếp biết tổng của chúng bằng 352.
- Bài 70.** Tuổi của chị và tuổi của em cộng lại bằng 26 tuổi. Biết chị hơn em 8 tuổi. Tính tuổi mỗi người.
- Bài 71.** Tổng của chúng bằng 45, hiệu của chúng cũng bằng 45. Tìm hai số đó.
- Bài 72.** Chu vi của một thửa ruộng bằng 248 m. Chiều rộng kém chiều dài 12 m. Hỏi chiều dài, chiều rộng của thửa ruộng bằng bao nhiêu?
- Bài 73.** Trong năm qua nhà bác Thuật đã thu hoạch được 1 tấn và 210 kg thóc. Biết vụ mùa thu kém vụ chiêm 270 kg thóc. Tính số thóc mỗi vụ nhà bác Thuật đã thu hoạch được.
- Bài 74.** Hai phân xưởng sản xuất được 456 sản phẩm. Nếu phân xưởng thứ nhất sản xuất thêm 34 sản phẩm và phân xưởng thứ hai sản xuất thêm 66 sản phẩm thì số sản phẩm của hai phân xưởng sản xuất là bằng nhau. Tính số sản phẩm mỗi phân xưởng sản xuất được.
- Bài 75.** Nam có nhiều hơn Tùng 34 viên bi. Nếu Tùng có thêm 24 viên, Nam có thêm 15 viên thì tổng số bi của hai bạn là 125 viên. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?
- Bài 76.** Lớp 4A và 4B trồng được tất cả 786 cây. Lớp 4A trồng được nhiều hơn lớp 4B 46 cây. Tính số cây mỗi lớp trồng được.
- Bài 77.** Tổng của hai số chẵn là 164, biết giữa chúng có 4 số lẻ. Tìm hai số đó.
- Bài 78.** Hai thùng dầu đựng 345 lít dầu. Nếu chuyển 30 lít dầu từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì thùng thứ hai sẽ nhiều hơn thùng thứ nhất 5 lít dầu. Tính số dầu ở mỗi thùng.

- Bài 79.** Tổng số tuổi của hai bố con là 38 tuổi. Biết nếu con tăng thêm 2 tuổi thì bố hơn con 24 tuổi. Tính tuổi bố, tuổi con.
- Bài 80.** Mẹ hơn Thái 30 tuổi. Đến năm 2010 tổng số tuổi của hai mẹ con bằng 46. Như vậy mẹ sinh Thái vào năm nào?
- Bài 81.** Hai bể chứa tất cả 5000 lít nước. Người ta tháo bớt 750 lít nước ở bể thứ nhất và tháo bớt 1050 lít nước ở bể thứ hai thì số nước ở hai bể bằng nhau. Tính số nước ban đầu ở hai bể?
- Bài 82.** Biết tổng số tuổi của hai mẹ con hiện nay là 46 tuổi. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi biết năm năm trước đây mẹ hơn con 24 tuổi?
- Bài 83.** Tìm hai số có hiệu bằng 155 và nếu lấy số thứ nhất cộng với số thứ hai và cộng thêm tổng của chúng thì được kết quả bằng 2010.
- Bài 84.** Thu hoạch từ hai thửa ruộng được 4 tấn 6 tạ thóc. Biết rằng nếu thu hoạch từ thửa thứ nhất thêm 2 tạ nữa thì số thóc thu được ở hai thửa bằng nhau. Hỏi mỗi thửa thu được bao nhiêu tạ thóc?
- Bài 85.** Một kho lương thực nhập thóc trong hai đợt được tất cả 12632 tạ thóc. Nếu đợt nhập thứ nhất nhập thêm 370 tạ thóc thì sẽ hơn đợt hai 246 tạ. Tính số thóc kho lương thực nhập trong mỗi đợt.
- Bài 86.** Lớp 4A có 32 học sinh, biết số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ 4 bạn. Tính số học sinh nữ.
- Bài 87.** Cho hai số biết tổng của chúng bằng 48926 và hiệu của chúng bằng 13508. Tìm số lớn.
- Bài 88.** Tổng số tuổi của Minh và anh là 24 tuổi. Biết Minh kém anh 4 tuổi. Tính tuổi mỗi người sau hai năm nữa.
- Bài 89.** Ông hơn cháu 58 tuổi. Ba năm nữa thì tổng số tuổi của hai ông cháu là 84 tuổi. Hỏi hiện nay ông bao nhiêu tuổi, cháu bao nhiêu tuổi?
- Bài 90.** Mẹ hơn con 28 tuổi. Biết 5 năm trước tổng số tuổi của hai mẹ con là 46 tuổi. Tính tuổi mẹ hiện nay.
- Bài 91.** Hai kho thóc chứa tất cả 250 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho A sang kho B 18 tấn thóc thì số thóc ở hai kho bằng nhau. Hỏi kho B chứa bao nhiêu tấn thóc?
- Bài 92.** Hai thửa ruộng thu hoạch được 5 tấn 2 tạ thóc. Biết thửa thứ nhất thu được nhiều hơn thửa thứ hai 8 tạ. Hỏi thửa thứ nhất thu được bao nhiêu ki – lô – gam thóc?
- Bài 93.** Mẹ hơn con 26 tuổi, 5 năm nữa tổng số tuổi của hai mẹ con là 48 tuổi. Tính số tuổi của mẹ hiện nay.
- Bài 94.** Tổng số tuổi ông và cháu hai năm trước là 64 tuổi. Biết 3 năm nữa ông hơn cháu là 56 tuổi. Tính tuổi ông, tuổi cháu hiện nay.
- Bài 95.** Cho hai số biết tổng của chúng bằng hiệu của chúng và bằng 2013. Tìm số bé.
- Bài 96.** Trong đợt mưa lũ ở Hà Nội vừa qua, ở hai quận Đống Đa và Ba Đình trung bình mỗi quận có 60 ngôi nhà bị ngập nước. Tính số nhà bị ngập nước ở quận Ba Đình biết rằng số nhà bị ngập ở quận Đống Đa hơn số nhà bị ngập ở quận Ba Đình là 12 nhà.

- Bài 97.** Mẹ hơn con 28 tuổi, 5 năm nữa tổng số tuổi của hai mẹ con là 64 tuổi. Tính tuổi con hiện nay.
- Bài 98.** Hai kho thóc chứa tất cả 250 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho A sang kho B 20 tấn thì số thóc ở hai kho bằng nhau. Hỏi kho A chứa bao nhiêu tấn thóc?
- Bài 99.** Cả hai dãy có 50 cây nhãn. Dãy thứ nhất nhiều hơn dãy thứ hai 6 cây nhãn. Tính số nhãn dãy thứ nhất.
- Bài 100.** Tìm hai số tự nhiên, biết rằng tổng và hiệu của hai số đó bằng nhau và bằng số liền sau của 100.
- Bài 101.** Một lớp học có 34 học sinh. Số học sinh trai nhiều hơn số học sinh gái là 6 bạn. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh trai?
- Bài 102.** Tổng của hai số chẵn bằng 120. Biết giữa chúng có tất cả 10 số lẻ. Tìm số bé.
- Bài 103.** Xưởng A đóng được nhiều hơn xưởng B là 475 bộ bàn ghế. Nếu xưởng B đóng thêm 125 bộ nữa thì cả hai xưởng đóng được 5000 bộ bàn ghế. Hỏi xưởng B đóng được bao nhiêu bộ bàn ghế?
- Bài 104.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 220 và hiệu của chúng bằng 40.
- Bài 105.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 145 và hiệu của chúng bằng 91.
- Bài 106.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 215 và hiệu của chúng bằng 55.
- Bài 107.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 195 và hiệu của chúng bằng 51.
- Bài 108.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 350 và hiệu của chúng bằng 120.
- Bài 109.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 120 và hiệu của chúng bằng 38.
- Bài 110.** Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2009. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 50 số tự nhiên khác. Số bé là:.....; Số lớn là:.....
- Bài 111.** An và Bình có tuổi trung bình là 12 tuổi. Biết An hơn Bình 4 tuổi. Tính tuổi của mỗi người? Tuổi An là:.....tuổi; Tuổi Bình là:.....tuổi.
- Bài 112.** An và Bình có tuổi trung bình là 9 tuổi. Biết An hơn Bình 4 tuổi. Tính tuổi của mỗi người? Tuổi An là:.....tuổi; Tuổi Bình là:.....tuổi.
- Bài 113.** Hòa và Bình có tuổi trung bình là 10 tuổi. Biết Hòa hơn Bình 6 tuổi. Tính tuổi của mỗi người?
- Bài 114.** An và Bình có tất cả 20 viên bi. Biết nếu An cho Bình 2 viên bi thì số bi của hai người bằng nhau. Tính số bi của mỗi người.
- Bài 115.** An và Bình có tất cả 30 viên bi. Biết nếu An cho Bình 2 viên bi thì số bi của hai người bằng nhau. Số bi của An là:.....viên; Số bi của Bình là:.....viên.
- Bài 116.** Lớp 4A1 và lớp 4A2 góp tất cả được 93 quyển truyện vào thư viện của trường. Trong đó lớp 4A2 góp được nhiều hơn lớp 4A1 là 15 quyển. Hỏi lớp 4A2 góp được bao nhiêu quyển vở?
- Bài 117.** Hai bao đựng 40 kg gạo. Nếu lấy 5 kg ở bao thứ nhất đổ vào bao thứ hai thì số gạo ở hai bao bằng nhau. Tính số gạo ở bao thứ nhất.
- Bài 118.** Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 400 và hiệu của chúng bằng 40.
- Bài 119.** Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 1010 và hiệu của chúng bằng 110.
- Bài 120.** Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 215 và hiệu của chúng bằng 45.
- Bài 121.** Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 120 và hiệu của chúng bằng 30.

- Bài 122.** Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 396 và hiệu của chúng bằng 104.
- Bài 123.** Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 2008 và hiệu của chúng bằng 20.
- Bài 124.** Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 2008 và hiệu của chúng bằng 2000.
- Bài 125.** Tổng của hai số chẵn là 234, biết giữa chúng có 5 số lẻ. Hai số đó là:.....
- Bài 126.** Hai thửa ruộng thu được 6 tấn 7 tạ thóc. Biết thửa thứ nhất thu được nhiều hơn thửa thứ hai 5 tạ. Thửa thứ nhất thu được:.....kg; Thửa thứ hai thu được:.....kg.
- Bài 127.** Hai kho chứa 320 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho B sang kho A 20 tấn thì số thóc ở kho B vẫn nhiều hơn kho A 20 tấn. Kho A chứa:.....tấn; kho B chứa:.....tấn.
- Bài 128.** Hai kho chứa 370 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho B sang kho A 35 tấn thì số thóc ở kho A nhiều hơn ở kho B 20 tấn. Kho A chứa:.....tấn; kho B chứa:.....tấn.
- Bài 129.** Hai kho chứa 350 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho A sang kho B 30 tấn thì số thóc ở kho B sẽ nhiều hơn số thóc ở kho A 10 tấn. Kho A chứa:.....tấn; kho B chứa:.....tấn.
- Bài 130.** . Một lớp học có 45 học sinh. Số học sinh trai nhiều hơn số học sinh gái là 7 bạn. Số học sinh trai là:.....bạn; số học sinh gái là:.....bạn.
- Bài 131.** Tìm hai số tự nhiên, biết tổng của chúng bằng 2009 và giữa chúng có tất cả 20 số tự nhiên khác. Số bé là:.....; số lớn là:.....
- Bài 132.** Tìm hai số tự nhiên, biết tổng của chúng bằng 2008 và giữa chúng có tất cả 15 số tự nhiên khác. Số bé là:.....; số lớn là:.....
- Bài 133.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng hiệu của chúng và bằng 2008.
- Bài 134.** Trung bình cộng của hai số bằng 89, biết số lớn hơn số bé 12 đơn vị. Số bé là:.....; số lớn là:.....
- Bài 135.** Trung bình cộng của hai số bằng 246, biết số lớn hơn số bé 86 đơn vị. Số bé là:.....; số lớn là:.....
- Bài 136.** Trung bình cộng của hai số bằng 125 biết số lớn hơn số bé 20 đơn vị. Số bé là:.....; số lớn là:.....
- Bài 137.** Trung bình cộng hai số bằng số nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau, biết số lớn hơn trung bình cộng hai số là 24 đơn vị. Số bé là:.....
- Bài 138.** Hai lớp 4A và 4B trồng được tất cả 450 cây. Lớp 4A trồng được nhiều hơn 4B là 30 cây. Lớp 4A trồng được:.....cây; lớp 4B trồng được:.....cây.
- Bài 139.** Mẹ hơn con 25 tuổi. Biết 3 năm nữa tổng số tuổi của hai mẹ con là 45 tuổi. Tuổi mẹ hiện nay là:.....; tuổi con hiện nay là:.....
- Bài 140.** Cha hơn con 32 tuổi. Biết 4 năm nữa tổng số tuổi của hai cha con là 56 tuổi. Tuổi cha hiện nay là:.....; tuổi con hiện nay là:.....
- Bài 141.** Cha hơn con 30 tuổi. Biết 5 năm nữa tổng số tuổi của hai cha con là 54 tuổi. Tuổi cha hiện nay là:.....; tuổi con hiện nay là:.....
- Bài 142.** Khi An 10 tuổi thì bố 40 tuổi. Tính tuổi của An và tuổi bố An hiện nay. Biết tổng số tuổi hai bố con hiện nay là 58 tuổi.

- Bài 143.** Khi Minh 15 tuổi thì bố 45 tuổi. Tính tuổi của Minh và tuổi bố Minh hiện nay. Biết tổng số tuổi của hai bố con hiện nay là 52 tuổi.
- Bài 144.** Khi Mai 8 tuổi thì mẹ 36 tuổi. Tính tuổi của Mai và tuổi mẹ Mai hiện nay. Biết tổng số tuổi của hai mẹ con hiện nay là 52 tuổi.
- Bài 145.** Mẹ hơn con 28 tuổi. Biết 4 năm trước tổng số tuổi của hai mẹ con là 48 tuổi. Tuổi mẹ hiện nay là:.....tuổi; tuổi con hiện nay là:.....tuổi.
- Bài 146.** Mẹ hơn con 25 tuổi. Biết 5 năm nữa tổng số tuổi của hai mẹ con là 61 tuổi. Tuổi mẹ hiện nay là:.....tuổi; tuổi con hiện nay là:.....tuổi.
- Bài 147.** Cha hơn con 32 tuổi. Biết 4 năm nữa thì tổng số tuổi của hai cha con là 64 tuổi. Tuổi cha hiện nay là:.....tuổi; tuổi con hiện nay là:.....tuổi.
- Bài 148.** Khi Mai 8 tuổi thì mẹ Mai 36 tuổi. Tính tuổi Mai và tuổi mẹ Mai hiện nay, biết tổng số tuổi của hai mẹ con hiện nay là 50 tuổi.
- Bài 149.** Khi Minh 15 tuổi thì bố Minh 45 tuổi. Tính tuổi Minh và tuổi bố Minh hiện nay, biết tổng số tuổi của hai bố con hiện nay là 50 tuổi.
- Bài 150.** Hai lớp 4A và 4B trồng được tất cả 450 cây. Lớp 4A trồng được ít hơn lớp 4B là 40 cây. Lớp 4A trồng được:.....cây; Lớp 4B trồng được:.....cây.
- Bài 151.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng hiệu và bằng 2009. Số bé là:.....; số lớn là:.....
- Bài 152.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 2005 và giữa chúng có 10 số tự nhiên khác. Số bé là:.....; số lớn là:.....
- Bài 153.** Tìm hai số biết tổng của chúng là 2008 và giữa chúng có 19 số tự nhiên khác. Số bé là:.....; số lớn là:.....
- Bài 154.** Một lớp học có 45 học sinh. Số học sinh trai nhiều hơn số học sinh gái là 9 bạn. Lớp học đó có:.....học sinh trai;.....học sinh gái.
- Bài 155.** Trung bình cộng của hai số bằng 246 biết số lớn hơn số bé 68 đơn vị. Số bé là:.....; số lớn là:.....
- Bài 156.** Trung bình cộng của hai số bằng 100 biết số lớn hơn số bé 24 đơn vị. Số bé là:.....; số lớn là:.....
- Bài 157.** Hai thửa ruộng thu hoạch được 5 tấn 7 tạ thóc. Biết thửa A thu được nhiều hơn thửa B là 7 tạ. Thửa A thu hoạch được:.....kg; thửa B thu hoạch được:.....kg.
- Bài 158.** Hai thửa ruộng thu hoạch được 5 tấn 6 tạ thóc. Biết thửa A thu được nhiều hơn thửa B là 8 tạ. Thửa A thu hoạch được:.....kg; thửa B thu hoạch được:.....kg.
- Bài 159.** Hai kho thóc chứa tất cả 300 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho A sang kho B 30 tấn thì lúc này số thóc kho A vẫn nhiều hơn kho B là 10 tấn. Kho A chứa:.....tấn; kho B chứa:.....tấn.
- Bài 160.** Trung bình cộng của hai số bằng 145 biết số lớn hơn số bé 20 đơn vị. Tìm hai số.
- Bài 161.** Tổng của hai số là 2971. Tìm số lớn biết rằng giữa hai số đó có 28 số lẻ.
- Bài 162.** Cả hai kho có 567 tấn thóc. Biết kho A nhiều hơn kho B 89 tấn. Hỏi kho B có bao nhiêu tấn thóc?

- Bài 163.** Hai thùng có tất cả 156 lít dầu. Nếu chuyển 12 lít dầu từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì thùng thứ nhất có ít hơn thùng thứ hai 2 lít dầu. Hỏi thùng thứ hai có bao nhiêu lít dầu?
- Bài 164.** Tìm hai số có trung bình cộng bằng 187 và biết số lớn hơn số bé 48 đơn vị.
- Bài 165.** Tìm hai số tự nhiên có tổng bằng 2013. Biết giữa chúng có tất cả 9 số chẵn.
- Bài 166.** Tổng số tuổi của hai mẹ con 5 năm trước là 47 tuổi. 3 năm sau tuổi mẹ hơn tuổi con 33 tuổi. Tính tuổi con hiện nay.
- Bài 167.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 416 và hiệu của chúng bằng 238.
- Bài 168.** Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2014. Tìm số lớn biết giữa chúng có tất cả 39 số tự nhiên khác.
- Bài 169.** Cho hai số lẻ có trung bình cộng bằng 127 và giữa chúng có tất cả 23 số lẻ. Tìm số lớn.
- Bài 170.** Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2012. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 25 số tự nhiên khác.
- Bài 171.** Trung bình cộng của hai số bằng 1500, biết số bé là số lớn nhất có ba chữ số khác nhau. Tìm số lớn.
- Bài 172.** Tìm hai số chẵn liên tiếp biết tổng hai số đó bằng 430.
- Bài 173.** An và Bình có tất cả 86 viên bi, nếu An cho Bình 7 viên bi thì An và Bình có số bi bằng nhau. Vậy An có bao nhiêu viên bi?
- Bài 174.** Một cửa hàng có 298 lít nước mắm đựng trong hai thùng. Nếu chuyển 15 lít ở thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì thùng thứ hai sẽ hơn thùng thứ nhất 8 lít. Hỏi thùng thứ hai chứa bao nhiêu lít nước mắm?
- Bài 175.** Tổng hai số chẵn bằng 400. Tìm số bé, biết giữa hai số đó có 13 số chẵn khác.
- Bài 176.** Hai số tự nhiên liên tiếp có tổng bằng 2015. Vậy số bé là.....
- Bài 177.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 190 và hiệu của chúng bằng 64.
- Bài 178.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 119 và hiệu của chúng bằng 45.
- Bài 179.** Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 268 và hiệu của chúng bằng 86.
- Bài 180.** Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2011. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 25 số tự nhiên lẻ.
- Bài 181.** An và Bình có trung bình là 9 tuổi. Biết An hơn Bình 4 tuổi. Tính tuổi mỗi người.
- Bài 182.** Mẹ hơn con 24 tuổi. Biết năm năm nữa tổng số tuổi của hai mẹ con là 66 tuổi. Tính số tuổi hai mẹ con hiện nay.
- Bài 183.** An và Bình có trung bình là 12 tuổi. Biết An hơn Bình 4 tuổi. Tính tuổi mỗi người.
- Bài 184.** Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2009. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 15 số lẻ.
- Bài 185.** Khi An 10 tuổi thì bố An 40 tuổi. Tính tuổi An và tuổi bố An hiện nay biết tổng số tuổi hiện nay của hai bố con An là 60 tuổi.
- Bài 186.** Tìm hai số, biết số lớn hơn số bé 11 đơn vị và biết nếu thêm vào số lớn 19 đơn vị và thêm vào số bé 30 đơn vị ta được hai số mới có tổng bằng 4000.
- Bài 187.** Tìm hai số chẵn liên tiếp có tổng bằng 390.

- Bài 188.** Hồng và Hà có tất cả 76 viên bi. Biết nếu Hồng cho Hà 5 viên bi thì Hồng vẫn nhiều hơn Hà 2 viên bi. Tính số bi của mỗi bạn.
- Bài 189.** Cho hai số có tổng bằng 179 và hiệu bằng 83 . Tìm số bé.
- Bài 190.** Cho hai số có tổng bằng 208 và hiệu bằng 52. Tìm số lớn.
- Bài 191.** Hạnh và Đạt có tất cả 92 viên bi. Biết nếu Hạnh cho Đạt 14 viên bi thì số bi của hai bạn bằng nhau. Tính số bi của mỗi bạn.
- Bài 192.** hai số biết số lớn hơn số bé 20 đơn vị và biết nếu thêm vào số lớn 31 đơn vị và thêm vào số bé 75 đơn vị thì ta được hai số mới có tổng bằng 2014 .
- Bài 193.** Hai kho thóc chứa tất cả 860 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho A sang kho B 25 tấn thì số thóc ở hai kho bằng nhau. Tính số thóc ở mỗi kho?
- Bài 194.** Tổng hai số chẵn liên tiếp bằng 2014 . Vậy số lớn là.....
- Bài 195.** Tổng của hai số lẻ liên tiếp bằng 2016 . Vậy số bé là.....
- Bài 196.** Tổng hai số tự nhiên bằng 2013. Tìm số lớn, biết giữa hai số đó có tất cả 20 số tự nhiên chẵn.
- Bài 197.** Cho hai số có trung bình cộng bằng 326 và hiệu của chúng bằng 108. Tìm hai số đó.
- Bài 198.** Cho hai số lẻ có trung bình cộng bằng 1080 và giữa chúng có 54 số lẻ. Tìm hai số đó.
- Bài 199.** Cho ba số có tổng bằng 272 . Biết số thứ nhất kém số thứ hai 36 đơn vị và hơn số thứ ba 43 đơn vị. Tìm số thứ ba.
- Bài 200.** Trung bình cộng của hai số bằng 86 . Số lớn hơn số bé 12 đơn vị. Tìm hai số.
- Bài 201.** Trung bình cộng của hai số bằng 45 , biết số thứ nhất bằng 34 . Tìm số thứ hai.
- Bài 202.** Cho hai số lẻ có trung bình cộng bằng 708 và giữa chúng có 35 số chẵn. Tìm số lớn.
- Bài 203.** Tổng hai số tự nhiên liên tiếp bằng 2014 . Tìm số lớn biết giữa hai số đó có 19 số tự nhiên khác.
- Bài 204.** Cho hai số có trung bình cộng bằng 638 và hiệu của chúng bằng 254 . Tìm số bé.
- Bài 205.** Trung bình cộng của hai số bằng 198 , biết số lớn hơn số bé 42 đơn vị. Tìm số lớn.
- Bài 206.** Trung bình cộng của hai số lẻ là số bé nhất có ba chữ số. Số lớn hơn số bé 28 đơn vị. Tìm số lớn.
- Bài 207.** Tìm hai số có tổng bằng 77 , biết rằng giữa chúng có 4 số chẵn.
- Bài 208.** Tìm hai số biết trung bình cộng của chúng bằng 123 và số thứ nhất hơn số thứ hai 46 đơn vị. Số thứ nhất là:.....; số thứ hai là:.....
- Bài 209.** Cuộn dây thứ nhất dài hơn cuộn dây thứ hai 55 m. Nếu cuộn dây thứ nhất cắt đi 5 m thì tổng chiều dài hai cuộn dây là 140 m. Lúc đầu cuộn dây thứ nhất dài.....m.
- Bài 210.** Một cửa hàng lương thực nhập về hai đợt được tổng cộng 134 tấn thóc. Nếu đợt một nhập tăng 11 tấn và đợt hai giảm 11 tấn thì số thóc nhập hai đợt bằng nhau. Đợt một cửa hàng nhập về.....tấn thóc; đợt hai cửa hàng nhập về:.....tấn thóc.
- Bài 211.** Tổng của chúng bằng hiệu của chúng và bằng 2014 .
- Bài 212.** Trung bình cộng của hai số lẻ là 950. Tìm hai số đó biết rằng giữa chúng có 91 số chẵn.

- Bài 213.** Tổng của ba số lớn hơn số thứ ba 11458 đơn vị. Số thứ hai kém số thứ nhất 234 đơn vị. Tìm số thứ nhất.
- Bài 214.** của ba số lẻ liên tiếp bằng 2457. Vậy số lớn nhất trong ba số đó là số nào?
- Bài 215.** Tìm hai số có tổng bằng 295, biết số lớn hơn số bé 81 đơn vị.
- Bài 216.** Tìm hai số chẵn có tổng bằng 390, biết giữa chúng có tất cả 8 số chẵn khác.
- Bài 217.** Tìm hai số tự nhiên có tổng bằng 417, biết giữa chúng có tất cả 18 số lẻ.
- Bài 218.** Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2011. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 40 số chẵn.
- Bài 219.** Tổng của hai số chẵn bằng 900. Tìm hai số đó biết giữa chúng có 49 số chẵn khác.
- Bài 220.** Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2010. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 199 số tự nhiên khác.
- Bài 221.** Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 9999. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 999 số tự nhiên chẵn.
- Bài 222.** Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2009. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 100 số tự nhiên khác.
- Bài 223.** Tìm tổng của hai số biết hiệu của hai số bằng 172 và hiệu đó bằng một nửa số bé.
- Bài 224.** Tổng hai số chẵn bằng 120. Tìm số lớn biết giữa chúng có tất cả 10 số lẻ.
- Bài 225.** Tổng hai số lẻ bằng 200. Tìm số bé biết giữa chúng có 8 số lẻ khác.
- Bài 226.** Có ba rô bốt chuyen 25 khối. Nếu rô bốt A chuyen thêm 2 khối nữa thì cả ba rô bốt chuyen bằng nhau. Rô bốt A chuyen được.....khối.
- Bài 227.** Một cửa hàng có vừa gạo tẻ và gạo nếp là 240 kg. Sau khi bán một số gạo nếp bằng số gạo tẻ thì còn lại 48 kg gạo tẻ và 30 kg gạo nếp. Số gạo tẻ lúc đầu là:.....kg.
- Bài 228.** Hiện nay tuổi mẹ hơn tuổi con 30 tuổi. Đến năm 2010 thì tổng số tuổi của hai mẹ con là 46 tuổi. Con sinh năm.....
- Bài 229.** Tổng hai số lẻ bằng 226; giữa chúng có hai số chẵn liên tiếp. Số bé:.....; số lớn:.....
- Bài 230.** . Tổng hai số chẵn bằng 210; giữa chúng có 5 số lẻ liên tiếp. Số lớn:.....; số bé:.....
- Bài 231.** Một xe chở 945 kg gạo tẻ và gạo nếp. Số túi gạo tẻ bằng số túi gạo nếp. 1 túi gạo tẻ nặng 15 kg; 1 túi gạo nếp nặng 12 kg. Số gạo tẻ là:.....kg; số gạo nếp là:.....kg.
- Bài 232.** Một lớp có 36 học sinh; số học sinh nữ hơn số học sinh nam là 18 em. Tỉ số nam và nữ là:.....
- Bài 233.** Có 360 kg táo và vải; số vải hơn số táo 40 kg. Tỉ số khối lượng táo và vải là:.....
- Bài 234.** Trung bình cộng của hai số là 123. Số thứ nhất hơn số thứ hai là 58. Tìm hai số đó.
- Bài 235.** Tìm hai số tự nhiên chẵn, biết trung bình cộng của chúng bằng 26 và giữa chúng có 8 số lẻ. Số bé là:.....; số lớn là:.....

- Bài 236.** Tìm tổng của hai số, biết hiệu hai số bằng 432 và hiệu bằng $\frac{1}{2}$ số bé. Tổng hai số là:.....
- Bài 237.** Tìm một phân số, biết tổng tử số và mẫu số là 99; mẫu số lớn hơn tử số 29 đơn vị. Phân số đó là?
- Bài 238.** Cuộn dây thứ nhất hơn cuộn dây thứ hai 35 m; nếu cuộn thứ nhất bớt 5 m thì tổng hai cuộn là 100 m. Hỏi cuộn dây thứ nhất dài bao nhiêu mét?
- Bài 239.** Anh hơn em 5 tuổi. 5 năm sau số tuổi của hai anh em là 25. Hiện nay anh:.....tuổi; em:.....tuổi.
- Bài 240.** Tổng của hai số chẵn là 212, giữa chúng có 4 số lẻ. Hai số đó là:.....
- Bài 241.** Hai bố con nặng tất cả 91 kg. Bố nặng hơn con 41 kg. Con nặng:.....kg; bố nặng:.....kg.
- Bài 242.** Năm nay ông hơn cháu 59 tuổi. Hai năm trước tổng số tuổi của hai ông cháu bằng 81 tuổi. Hiện nay tuổi ông là:.....tuổi; tuổi cháu là:.....tuổi.
- Bài 243.** Cách đây 3 năm tổng số tuổi của hai bố con bằng 50 tuổi; con kém bố 28 tuổi. Hiện nay tuổi bố là:.....tuổi; hiện nay tuổi con là:.....tuổi.
- Bài 244.** Sau đây 3 năm tổng số tuổi của hai bố con bằng 50 tuổi; con kém bố 28 tuổi. Hiện nay tuổi bố là:.....tuổi; hiện nay tuổi con là:.....tuổi.
- Bài 245.** Một lớp học có 4 tổ, mỗi tổ có 8 học sinh. Số học sinh trai hơn số học sinh gái là 4. Lớp đó có số học sinh trai là:.....; số học sinh gái là:.....
- Bài 246.** Tổng của hai số là 6789 và nếu giảm số lớn đi 567 đơn vị thì được số bé. Số lớn là:.....; số bé là:.....
- Bài 247.** Có hai thùng dầu, thùng thứ nhất hơn thùng thứ hai 3 lít. Nếu thêm vào thùng thứ nhất 2 lít và thêm vào thùng thứ hai 5 lít thì tổng số lít ở hai thùng là 48 lít. Thùng thứ nhất chứa:.....lít; thùng thứ hai chứa:.....lít.
- Bài 248.** Năm nay tổng số tuổi của hai mẹ con là 48 tuổi. 5 năm trước tuổi mẹ hơn tuổi con là 24 tuổi. Tuổi mẹ hiện nay là:.....tuổi; tuổi con hiện nay là:.....tuổi.
- Bài 249.** Hiện nay tổng số tuổi của hai mẹ con là 36 tuổi, con kém mẹ 26 tuổi. Tuổi con là:.....

HƯỚNG DẪN – GỢI Ý – ĐÁP ÁN**Dạng 1: Cho biết cả tổng lẫn hiệu.**

Một hình chữ nhật có hiệu hai cạnh liên tiếp là 24 cm và tổng của chúng là 92 cm.
 Tính diện tích của hình chữ nhật đã cho.

Lời giải

$$\text{Chiều dài hình chữ nhật là: } (92 + 24) : 2 = 58 \text{ (cm)}$$

$$\text{Chiều rộng hình chữ nhật là: } 58 - 24 = 34 \text{ (cm)}$$

$$\text{Diện tích hình chữ nhật là: } 58 \times 34 = 1972 \text{ (cm}^2\text{)}.$$

Đáp số: 1972 cm².

Dạng 2: Cho biết tổng nhưng dấu hiệu.

Bài 1. Tìm hai số lẻ có tổng là 186. Biết giữa chúng có 5 số lẻ.

Lời giải

$$\text{Hiệu giữa hai số lẻ là: } 5 \times 2 + 2 = 12$$

$$\text{Số lớn là: } (186 + 12) : 2 = 99$$

$$\text{Số bé là: } 99 - 12 = 87.$$

Đáp số : 99;87

Bài 2. Hai ông cháu hiện nay có tổng số tuổi là 68, biết rằng cách đây 5 năm cháu kém ông 52 tuổi. Tính số tuổi mỗi người.

Lời giải

Hiệu số tuổi không thay đổi theo thời gian nên hiện nay ông vẫn hơn cháu 52 tuổi.

$$\text{Tuổi ông là: } (68 + 52) : 2 = 60 \text{ (tuổi).}$$

$$\text{Tuổi cháu là: } 60 - 52 = 8 \text{ (tuổi).}$$

Đáp số : Ông 60 tuổi; cháu 8 tuổi

Bài 3. Hùng và Dũng có tất cả 45 viên bi. Nếu Hùng cho đi 5 viên bi thì Hùng có nhiều hơn Dũng 14 viên. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Lời giải

Lúc đầu Hùng nhiều hơn Dũng số bi là: $14 + 5 = 19$ (viên).

Lúc đầu Hùng có số bi là: $(45 + 19) : 2 = 32$ (viên).

Lúc đầu Dũng có số bi là: $32 - 19 = 23$ (viên).

Đáp số : Hùng 32 viên; Dũng 23 viên

Bài 4. Lớp 4A có 32 học sinh. Hôm nay có 3 bạn nữ nghỉ học nên số nam nhiều hơn số nữ là 5 bạn. Hỏi lớp 4A có bao nhiêu học sinh nam, bao nhiêu học sinh nữ?

Lời giải

Thực tế số nam nhiều hơn số nữ là: $5 - 3 = 2$ (học sinh).

Số học sinh nữ là: $(32 - 2) : 2 = 15$ (học sinh).

Số học sinh nam là: $15 + 2 = 17$ (học sinh).

Bài 5. Hùng và Dũng có tất cả 46 viên bi. Nếu Hùng cho Dũng 5 viên bi thì số bi của hai bạn bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Lời giải

Hùng hơn Dũng số bi là: $2 \times 5 = 10$ (viên).

Số bi của Hùng lúc đầu là: $(46 + 10) : 2 = 28$ (viên).

Số bi của Dũng lúc đầu là: $28 - 10 = 18$ (viên).

Bài 6. Một mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 120 m. Nếu tăng chiều rộng thêm 5 m và bớt chiều dài đi 5 m thì mảnh đất đó trở thành một mảnh đất hình vuông. Tính diện tích mảnh đất hình chữ nhật trên.

Lời giải

Nửa chu vi mảnh đất hình chữ nhật là: $120 : 2 = 60$ (m).

Chiều dài mảnh đất hơn chiều rộng mảnh đất số mét là: $5 + 5 = 10$ (m).

Chiều dài mảnh đất hình chữ nhật là: $(60 + 10) : 2 = 35$ (m).

Chiều rộng mảnh đất hình chữ nhật là: $35 - 10 = 25$ (m).

Diện tích mảnh đất hình chữ nhật là: $35 \times 25 = 875$ (m²).

Bài 7. Hai thùng dầu có tất cả 116 lít. Nếu chuyển 6 lít từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì lượng dầu ở hai thùng bằng nhau. Hỏi mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

Lời giải

Thùng thứ nhất hơn thùng thứ hai số dầu là: $6 \times 2 = 12$ (l).

Thùng thứ nhất có số dầu là: $(116 + 12) : 2 = 64$ (l).

Thùng thứ hai có số dầu là: $64 - 12 = 52$ (l).

Bài 8. Tìm hai số có tổng là 132. Biết rằng nếu lấy số lớn trừ đi số bé rồi cộng với tổng của chúng thì được 178.

Lời giải

Hiệu hai số là: $178 - 132 = 46$.

Số lớn là: $(132 + 46) : 2 = 89$.

Số bé là: $89 - 46 = 43$.

Bài 9. Tìm hai số có tổng là 239. Biết rằng nếu lấy số thứ nhất trừ đi số thứ hai rồi cộng với hiệu của chúng thì được 172.

Lời giải

Hiệu của hai số là: $172 : 2 = 86$.

Số lớn là: $(234 + 86) : 2 = 160$.

Số bé là: $234 - 160 = 74$.

Bài 10. An và Bình có tất cả 120 viên bi. Nếu An cho Bình 20 viên bi thì Bình sẽ có nhiều hơn An 16 viên bi. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Lời giải

An có nhiều hơn Bình số bi là: $20 \times 2 - 16 = 24$ (viên).

An có số bi là: $(120 + 24) : 2 = 72$ (viên).

Bình có số bi là: $72 - 24 = 48$ (viên).

Bài 11. An và Bình có tất cả 120 viên bi. Nếu An cho Bình 20 viên bi thì Bình sẽ có ít hơn An 16 viên bi. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Lời giải

An có nhiều hơn Bình số bi là: $20 \times 2 + 16 = 56$ (viên).

An có số bi là: $(120 + 56) : 2 = 88$ (viên).

Bình có số bi là: $88 - 56 = 32$ (viên).

Bài 12. Hai kho gạo có 155 tấn. Nếu thêm vào kho thứ nhất 8 tấn và kho thứ hai 17 tấn thì số gạo ở mỗi kho bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi kho có bao nhiêu tấn gạo?

Lời giải

Kho thứ nhất nhiều hơn kho thứ hai số gạo là: $17 - 8 = 9$ (tấn).

Lúc đầu kho thứ nhất có số gạo là: $(155 + 9) : 2 = 82$ (tấn).

Lúc đầu kho thứ hai có số gạo là: $82 - 9 = 73$ (tấn).

Bài 13. Ngọc có tất cả 48 viên bi vừa xanh vừa đỏ. Biết rằng nếu lấy ra 10 viên bi đỏ và 2 viên bi xanh thì số bi đỏ bằng số bi xanh. Hỏi có bao nhiêu viên bi mỗi loại?

Lời giải

Số bi đỏ nhiều hơn số bi xanh là: $10 - 2 = 8$ (viên).

Số bi đỏ là: $(48 + 8) : 2 = 28$ (viên).

Số bi xanh là: $28 - 8 = 20$ (viên).

Bài 14. Hai người thợ dệt được 270 m vải. Nếu người thứ nhất dệt thêm 12 m và người thứ hai dệt thêm 8 m thì người thứ nhất sẽ dệt nhiều hơn người thứ hai 10 m. Hỏi mỗi người đã dệt được bao nhiêu mét vải?

Lời giải

Người thứ nhất dệt nhiều hơn người thứ hai số vải là: $12 + 8 - 10 = 10$ (m).

Người thứ nhất dệt số vải là: $(270 + 10) : 2 = 140$ (m).

Người thứ hai dệt số vải là: $140 - 10 = 130$ (m).

Bài 15. Hai thùng dầu có tất cả 132 lít. Nếu chuyển 12 lít từ thùng I sang thùng II và chuyển 7 lít từ thùng II sang thùng I thì thùng I sẽ có nhiều hơn thùng II là 14 lít. Hỏi lúc đầu mỗi thùng có bao nhiêu lít dầu?

Lời giải

Thùng I nhiều hơn thùng II số dầu là: $14 + (12 - 7) \times 2 = 28$ (l).

Thùng I có số dầu là: $(132 + 28) : 2 = 80$ (l).

Thùng II có số dầu là: $80 - 28 = 52$ (l).

Dạng 3: Cho biết hiệu nhưng dấu tổng.

Bài 16. Tổng của hai số là một số lớn nhất có ba chữ số chia hết cho 5. Biết nếu thêm vào số bé 35 đơn vị thì ta được số lớn. Tìm mỗi số.

Lời giải

Tổng của hai số là: 995.

Hiệu hai số là: 35.

Số lớn là: $(995 + 35) : 2 = 515$.

Số bé là: $515 - 35 = 480$.

Bài 17. Trên một bãi cỏ người ta đếm được 100 cái chân vừa gà vừa chó. Biết số chân chó nhiều hơn số chân gà là 12 chiếc. Hỏi có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con chó?

Lời giải

Số chân chó là: $(100 + 12) : 2 = 56$ (chân).

Số con chó là: $56 : 4 = 14$ (con).

Số chân gà là: $56 - 12 = 44$ (chân).

Số con gà là: $44 : 2 = 22$ (con).

Bài 18. Trên một bãi cỏ người ta đếm được 100 cái mắt vừa gà vừa chó. Biết số chó nhiều hơn số gà là 12 con. Hỏi có bao nhiêu con gà, bao nhiêu con chó?

Lời giải

Số mắt chó nhiều hơn mắt gà là: $12 \times 2 = 24$ (cái).

Số mắt chó là: $(100 + 24) : 2 = 62$ (cái).

Số con chó là: $62 : 2 = 31$ (con).

Số con gà là: $100 : 2 - 31 = 19$ (con).

Bài 19. Tìm hai số có hiệu là 129. Biết rằng nếu lấy số thứ nhất cộng với số thứ hai rồi cộng với tổng của chúng thì được 2010.

Lời giải

Tổng của hai số là: $2010 : 2 = 1005$.

Số thứ nhất là: $(1005 + 129) : 2 = 567$.

Số thứ hai là: $567 - 129 = 438$.

Bài 20. Một phép trừ có tổng của số bị trừ, số trừ và hiệu là 7652. Hiệu lớn hơn số trừ 798 đơn vị. Hãy tìm phép trừ đó.

Lời giải

Số bị trừ là: $7652 : 2 = 3826$.

Số trừ là: $(3826 + 789) : 2 = 2312$.

Hiệu là: $3826 - 2312 = 1514$.

Bài 21. Tìm hai số có hiệu là 22. Biết rằng nếu lấy số lớn cộng với số bé rồi cộng với hiệu của chúng thì được 116.

Lời giải

Số lớn là: $116 : 2 = 58$.

Số bé là: $58 - 22 = 36$.

Bài 22. Tìm hai số có hiệu là 132. Biết rằng nếu lấy số lớn cộng với số bé rồi trừ đi hiệu của chúng thì được 548.

Lời giải

Số bé là: $548 : 2 = 274$.

Số lớn là: $274 + 132 = 406$.

Bài 23. Lan đi bộ vòng quanh sân trường vận động hết 15 phút, mỗi phút đi được 36 m. Biể chiều dài sân vận động hơn chiều rộng là 24 m. Tính diện tích của sân vận động.

Lời giải

Chu vi sân vận động là: $15 \times 36 = 540$ (m).

Nửa chu vi sân vận động là: $540 : 2 = 270$ (m).

Chiều dài sân vận động là: $(270 + 24) : 2 = 147$ (m).

Chiều rộng sân vận động là: $147 - 24 = 123$ (m).

Diện tích sân vận động là: $147 \times 123 = 18081$ (m²).

Bài 24. Hồng có nhiều hơn Huệ 16000 đồng. Nếu Hồng có thêm 5000 đồng và Huệ có thêm 11000 nghìn đồng thì hai bạn sẽ có tất cả 70000 đồng. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu tiền?

Lời giải

Thực tế hai bạn có số tiền là: $70000 - 5000 - 11000 = 54000$ (đồng).

Lúc đầu Hồng có số tiền là: $(54000 + 16000) : 2 = 35000$ (đồng).

Lúc đầu Huệ có số tiền là: $35000 - 16000 = 19000$ (đồng).

Bài 25. Hồng có nhiều hơn Huệ 16000 đồng. Nếu Hồng cho đi 5000 đồng và Huệ cho 11000 nghìn đồng thì hai bạn sẽ có tất cả 70000 đồng. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu tiền?

Lời giải

Thực tế hai bạn có số tiền là: $70000 + 5000 + 11000 = 86000$ (đồng).

Lúc đầu Hồng có số tiền là: $(86000 + 16000) : 2 = 51000$ (đồng).

Lúc đầu Huệ có số tiền là: $51000 - 16000 = 35000$ (đồng).

Dạng 4: Dấu cả tổng lẫn hiệu.

Bài 26. Tổng hai số là số lớn nhất có 3 chữ số. Hiệu của chúng là số lẻ nhỏ nhất có 2 chữ số. Tìm mỗi số.

Lời giải

Tổng hai số là: 999.

Hiệu hai số là: 11.

Số lớn là: $(999 + 11) : 2 = 505$.

Số bé là: $505 - 11 = 494$.

Bài 27. Tìm hai số có tổng là số lớn nhất có 4 chữ số và hiệu là số lẻ nhỏ nhất có 3 chữ số.

Lời giải

Tổng hai số là: 9999.

Hiệu hai số là: 101.

Số lớn là: $(9999 + 101) : 2 = 5050$.

Số bé là: $5050 - 101 = 4949$.

Bài 28. Tìm hai số có tổng là số bé nhất có 4 chữ số và hiệu là số chẵn lớn nhất có 2 chữ số.

Lời giải

Tổng hai số là: 1000.

Hiệu hai số là: 98.

Số lớn là: $(1000 + 98) : 2 = 549$.

Số bé là: $549 - 98 = 451$.

Bài 29. Tìm hai số có hiệu là số bé nhất có 2 chữ số chia hết cho 3 và tổng là số lớn nhất có 2 chữ số chia hết cho 2.

Lời giải

Tổng hai số là: 98.

Hiệu hai số là: 12.

Số lớn là: $(98 + 12) : 2 = 55$.

Số bé là: $55 - 12 = 43$.

Dạng 5: Dạng tổng hợp.

Bài 30. An và Bình mua chung 45 quyển vở và phải trả hết số tiền là 72000 đồng. Biết An phải trả nhiều hơn Bình 11200 đồng. Hỏi mỗi bạn đã mua bao nhiêu quyển vở?

Lời giải

Số tiền An phải trả là: $(72000 + 11200) : 2 = 41600$ (đồng).

Số tiền một quyển vở là: $72000 : 45 = 1600$ (đồng).

An mua số vở là: $41600 : 1600 = 26$ (quyển).

Bình mua số vở là: $45 - 26 = 19$ (quyển).

Bài 31. Tổng của ba số là 1978. Số thứ nhất hơn tổng hai số kia là 58 đơn vị. Nếu bớt ở số thứ hai đi 36 đơn vị thì số thứ hai sẽ bằng số thứ ba. Tìm ba số đó.

Lời giải

Số thứ nhất là: $(1978 + 58) : 2 = 1018$.

Tổng hai số còn lại là: $1018 - 58 = 960$.

Số thứ hai là: $(960 + 36) : 2 = 498$.

Số thứ ba là: $498 - 36 = 462$.

Bài 32. Ba bạn Lan, Đào, Hồng có tất cả 27 cái kẹo. Nếu Lan cho Đào 5 cái, Đào cho Hồng 3 cái, Hồng lại cho Lan 1 cái thì số kẹo của ba bạn bằng nhau. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu cái kẹo?

Lời giải

Lúc sau mỗi bạn có số kẹo là: $27 : 3 = 9$ (cái).

Số kẹo của Đào lúc đầu là: $9 + 3 - 5 = 7$ (cái).

Số kẹo của Lan lúc đầu là: $9 - 1 + 5 = 13$ (cái).

Số kẹo của Hồng lúc đầu là: $9 + 1 - 3 = 7$ (cái).

Bài 33. Trung bình cộng số tuổi của bố, tuổi An và tuổi Hồng là 19 tuổi, tuổi bố hơn tổng số tuổi của An và Hồng là 25 tuổi. Hồng kém An 8 tuổi. Tính số tuổi của mỗi người.

Lời giải

Tổng số tuổi của bố, An và Hồng là: $19 \times 3 = 57$ (tuổi).

Tuổi bố là: $(57 + 25) : 2 = 41$ (tuổi).

Tổng số tuổi của An và Hồng là: $57 - 41 = 16$ (tuổi).

Tuổi của An là: $(16 + 8) : 2 = 12$ (tuổi).

Tuổi của Hồng là: $12 - 8 = 4$ (tuổi).

HƯỚNG DẪN BÀI TẬP TỔNG HỢP

Bài 34. Tổng hai số bằng 38560. Số lớn hơn số bé là 328 đơn vị. Tìm hai số đó.

Lời giải

Số bé là: $(38560 - 328) : 2 = 19116$.

Số lớn là: $19116 + 328 = 19444$.

Đáp số: 19116; 19114.

Bài 35. Chu vi của thửa ruộng hình chữ nhật là 336 m. Chiều rộng kém chiều dài là 36 m. Hãy tính diện tích của thửa ruộng.

Lời giải

Nửa chu vi thửa ruộng hình chữ nhật là: $336 : 2 = 168$ (m).

Chiều rộng của thửa ruộng hình chữ nhật là: $(168 - 36) : 2 = 66$ (m).

Chiều dài thửa ruộng hình chữ nhật là: $66 + 36 = 102$ (m).

Diện tích của thửa ruộng là: $102 \times 66 = 6732$ (m²).

Đáp số: 6732 m².

Bài 36. Tổng của hai số là số chẵn lớn nhất có bốn chữ số. Hiệu của hai số là số tròn chục lớn nhất có ba chữ số. Tìm hai số đó.

Lời giải

Tổng của hai số là: 9998.

Hiệu của hai số là: 990.

Số bé là: $(9998 - 990) : 2 = 4504$.

Số lớn là: $4504 + 990 = 5494$.

Đáp số: 4504; 5494.

Bài 37. Một hình chữ nhật có chu vi 48 cm, chiều rộng kém chiều dài 8 cm.

a) Tính diện tích hình đó.

b) Một hình vuông có chu vi bằng chu vi hình chữ nhật. Tính diện tích hình vuông đó.

Lời giải

a) Nửa chu vi là: $48 : 2 = 24$ (cm).

Chiều rộng hình chữ nhật là: $(24 - 8) : 2 = 8$ (cm).

Chiều dài hình chữ nhật là: $8 + 8 = 16$ (cm).

Diện tích hình chữ nhật là: $16 \times 8 = 108$ (cm²).

b) Cạnh hình vuông là: $48 : 4 = 12$ (cm).

Diện tích hình vuông đó là: $12 \times 12 = 144$ (cm²).

Đáp án: 108 cm²; 144 cm².

Bài 38. **Bài 38.** Hiện nay, ông hơn cháu 62 tuổi. Hai năm nữa tổng số tuổi của hai ông cháu là 82 tuổi. Hỏi hai năm trước đây ông bao nhiêu tuổi?

Lời giải

Hai năm nữa ông vẫn hơn cháu 62 tuổi.

Tuổi của ông hai năm nữa là: $(82 + 62) : 2 = 72$ (tuổi).

Tuổi ông hai năm trước là: $72 - 2 - 2 = 68$ (tuổi).

Đáp số: 68 tuổi.

Bài 39. Hai ngăn sách có 450 quyển sách. Người ta chuyển 78 quyển sách từ ngăn dưới lên ngăn trên thì số sách còn lại ở ngăn dưới ít hơn số sách hiện có ở ngăn trên là 28 quyển. Hỏi lúc đầu, mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách?

Lời giải

Ngăn dưới nhiều hơn ngăn trên số sách là: $78 \times 2 - 28 = 128$ (quyển).

Ngăn trên có số sách là: $(450 + 128) : 2 = 289$ (quyển).

Ngăn dưới có số sách là: $289 - 128 = 161$ (quyển).

Đáp số: ngăn trên: 289 quyển; ngăn dưới: 161 quyển.

Bài 40. Tổng của hai số là 713. Nếu bớt số lớn đi 26 đơn vị thì số lớn vẫn hơn số bé là 21 đơn vị. Tìm hai số đó.

Lời giải

Số lớn hơn số bé số đơn vị là: $26 + 21 = 47$ (đơn vị).

Số bé là: $(713 - 47) : 2 = 333$.

Số lớn là: $333 + 47 = 380$.

Đáp số: 333; 380.

Bài 41. Tổng của hai số lẻ là 24778. Tìm hai số đó, biết giữa chúng còn có 4 số chẵn nữa.

Lời giải

Hiệu của hai số là: $4 \times 2 = 8$.

Số bé là: $(24778 - 8) : 2 = 12385$.

Số lớn là: $12385 + 8 = 12393$.

Đáp số: 12385; 12393.

Bài 42. Tổng của hai số có hai chữ số là 93. Nếu ghép số bé vào bên phải số lớn được một số có bốn chữ số, ghép số bé vào bên trái số lớn ta được một số có bốn chữ số khác. Hiệu của hai số có bốn chữ số là 1881. Hãy tìm hai số đó?

Lời giải

Gọi hai số cần tìm có dạng: \overline{ab} , \overline{cd} ($a, c \neq 0$, $a, b, c, d < 10$).

Giả sử: $\overline{ab} > \overline{cd}$.

Theo đề bài ta có:

$$\overline{abcd} - \overline{cdab} = 1881$$

$$100 \times \overline{ab} + \overline{cd} - 100 \times \overline{cd} - \overline{ab} = 1881$$

$$100 \times (\overline{ab} - \overline{cd}) - (\overline{ab} - \overline{cd}) = 1881$$

$$99 \times (\overline{ab} - \overline{cd}) = 1881$$

$$(\overline{ab} - \overline{cd}) = 1881 : 99$$

$$(\overline{ab} - \overline{cd}) = 19$$

Vậy hiệu hai số là: 19.

Số bé là: $(93 - 19) : 2 = 37$.

Số lớn là: $37 + 19 = 56$.

Đáp số: 37; 56.

Bài 43. Một lớp có 32 học sinh. Số học sinh nam hơn số học sinh nữ là 8 bạn. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh nam?

Lời giải

Số học sinh nam của lớp đó là: $(32 + 8) : 2 = 20$ (học sinh).

Đáp số: 20 học sinh nam.

Bài 44. Tổng của hai số là 1385, hiệu của hai số là 247. Tìm số lớn.

Lời giải

Số lớn là: $(1358 + 247) : 2 = 816$.

Đáp số: 816.

Bài 45. Tìm hai số biết tổng của chúng là 156 và hiệu của chúng là 46.

Lời giải

Số bé là: $(156 - 46) : 2 = 55$.

Số lớn là: $156 - 55 = 101$.

Đáp số: 55; 101.

Bài 46. Tìm hai số tự nhiên biết tổng và hiệu của chúng lần lượt là 200 và 48.

Lời giải

Số lớn là: $(200 + 28) : 2 = 124$.

Số bé là: $200 - 124 = 76$.

Đáp số: 76; 124.

Bài 47. Trung bình cộng của hai số là 3254. Tìm hai số đó, biết hiệu của chúng là 448.

Lời giải

Số bé là: $3254 - 448 : 2 = 3030$.

Số lớn là: $3030 + 448 = 3478$.

Đáp số: 3030; 3478.

Bài 48. Trung bình cộng của hai số là 1245. Hiệu hai số là 128. Tìm hai số đó.

Lời giải

Cách 1:

Tổng hai số là: $1245 \times 2 = 2490$.

Số lớn là: $(2490 + 128) : 2 = 1309$.

Số bé là: $1309 - 128 = 1181$.

Cách 2:

Số lớn là: $1245 + (128 : 2) = 1309$.

Số bé là: $1309 - 128 = 1181$.

Đáp số: 1181; 1309.

Bài 49. Tổng số tuổi của hai ông cháu là 72 tuổi. Cách đây 5 năm tuổi ông hơn tuổi cháu là 54 tuổi. Tính tuổi cháu hiện nay.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai ông cháu không đổi theo thời gian nên hiện nay ông vẫn hơn cháu 54 tuổi.

Tuổi cháu hiện nay là: $(72 - 54) : 2 = 9$ (tuổi).

Đáp số: 9 tuổi.

Bài 50. Tổng số tuổi hiện nay của hai ông cháu là 85 tuổi. Tính số tuổi hiện nay của ông biết rằng cách đây 7 năm ông hơn cháu là 63 tuổi.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai ông cháu không đổi theo thời gian nên hiện nay ông vẫn hơn cháu 63 tuổi.

Tuổi ông hiện nay là: $(85 + 63) : 2 = 74$ (tuổi).

Đáp số: 74 tuổi.

Bài 51. Tổng hai số chẵn liên tiếp là 2018. Tìm số bé.

Lời giải

Số bé là: $(2018 - 2) : 2 = 1008$.

Đáp số: 1008.

Bài 52. Tổng hai số lẻ liên tiếp là 320. Tìm số lớn.

Lời giải

Số lớn là: $(320 + 2) : 2 = 161$.

Đáp số: 161.

Bài 53. Tổng hai số chẵn là 2860. Tìm hai số đó biết rằng giữa chúng có 421 số chẵn khác.

Lời giải

Hiệu của hai số là: $421 \times 2 + 2 = 844$.

Số bé là: $(2860 - 844) : 2 = 1008$.

Số lớn là: $1008 + 844 = 1852$

Đáp số: 1008 và 1852.

Bài 54. Tổng hai số chẵn là 2016. Tìm hai số đó biết rằng giữa chúng có 48 số lẻ.

Lời giải

Hiệu của hai số là: $48 \times 2 = 96$.

Số bé là: $(2016 - 96) : 2 = 960$.

Số lớn là: $960 + 96 = 1056$

Đáp số: 960 và 1056.

Bài 55. Thư viện nhà trường vừa mua 2433 quyển sách gồm sách tham khảo và sách truyện. Số sách tham khảo nhiều hơn số sách truyện 1173 quyển. Tính số sách tham khảo mà thư viện vừa mua.

Lời giải

Số sách tham khảo mà thư viện vừa mua là: $(2433 + 1173) : 2 = 1803$ (quyển).

Đáp số: 1803 quyển.

Bài 56. Một cửa hàng gạo trong hai ngày bán được 5680 kg gạo, biết số gạo ngày thứ hai bán nhiều hơn ngày thứ nhất 46 kg. Tính số gạo bán trong ngày thứ nhất.

Lời giải

Số gạo bán trong ngày thứ nhất là: $(5680 - 46) : 2 = 2817$ (kg).

Đáp số: 2817 kg gạo.

Bài 57. Thư viện của trường cho học sinh khối 4 và khối 5 mượn tất cả 568 quyển sách. Biết số sách khối 4 mượn nhiều hơn khối 5 là 54 quyển. Tính số sách mỗi khối đã mượn trong thư viện nhà trường.

Lời giải

Khối 4 mượn số sách là: $(568 + 54) : 2 = 311$ (quyển).

Khối 5 mượn số sách là: $311 - 54 = 257$ (quyển).

Đáp số: *Khối 4:* 311 quyển; *khối 5:* 257 quyển.

Bài 58. Hai số có trung bình cộng bằng 62, số thứ nhất hơn số thứ hai 24 đơn vị. Tìm hai số.

Lời giải

Số thứ nhất là: $62 + 14 = 74$.

Số thứ hai là: $74 - 24 = 50$.

Đáp số: 74; 50.

Bài 59. Vụ mùa vừa qua gia đình bác Huyền và gia đình bác Liên thu hoạch được 450 bắp ngô. Nếu gia đình bác Liên thu thêm 20 bắp ngô nữa thì số ngô hai nhà thu được bằng nhau. Tính số ngô mỗi nhà thu được.

Lời giải

Nhà bác Huyền thu được số ngô là: $(450 + 20) : 2 = 235$ (bắp).

Nhà bác Liên thu được số ngô là: $235 - 20 = 215$ (bắp).

Đáp số: *Bác Huyền:* 235 bắp ngô;

Bác Liên: 215 bắp ngô.

Bài 60. Tổng của hai số chẵn liên tiếp là số chẵn lớn nhất có bốn chữ số. Tìm hai số đó.

Lời giải

Số lớn là: $(9998 + 2) : 2 = 5000$.

Số bé là: $5000 - 2 = 4998$.

Đáp số: 4998; 5000.

Bài 61. Tìm hai số tự nhiên liên tiếp biết tổng của chúng bằng 379.

Lời giải

Hai số tự nhiên liên tiếp cách nhau 1 đơn vị nên hiệu của hai số bằng 1.

Số bé là: $(379 - 1) : 2 = 189$.

Số lớn là: $189 + 1 = 190$.

Đáp số: 189; 190.

Bài 62. Hai số có tổng bằng 234, số lớn hơn số bé 24 đơn vị. Tìm hai số đó.

Lời giải

Số bé là: $(234 - 24) : 2 = 105$.

Số lớn là: $105 + 24 = 129$.

Đáp số: 105; 129.

Bài 63. Hai thùng chứa tất cả 50 lít dầu. Nếu đổ 12 lít dầu từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì số dầu ở hai thùng bằng nhau. Tính số dầu có ở mỗi thùng?

Lời giải

Thùng thứ nhất hơn thùng thứ hai số lít dầu là: $12 \times 2 = 24$ (lít).

Thùng thứ nhất có số dầu là: $(50 + 24) : 2 = 37$ (lít).

Thùng thứ hai có số dầu là: $37 - 24 = 13$ (lít).

Đáp số: Thùng thứ nhất: 37 lít dầu.

Thùng thứ hai: 13 lít dầu.

Bài 64. Minh và Hoàng cùng nhau sưu tầm tem và đã sưu tầm được tất cả 289 con tem. Biết số tem của Minh nhiều hơn số tem của Hoàng là 17 con. Tính số tem mỗi bạn sưu tầm được.

Lời giải

Minh sưu tầm được số con tem là: $(289 + 17) : 2 = 153$ (con tem).

Hoàng sưu tầm được số con tem là: $153 - 17 = 136$ (con tem).

Đáp số: Minh: 153 con tem; Hoàng: 136 con tem.

Bài 65. Hùng và Dũng có tất cả 45 viên bi. Nếu Hùng có thêm 5 viên bi thì Hùng có nhiều hơn Dũng 14 viên bi. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Lời giải

Hùng nhiều hơn Dũng số bi là: $14 - 5 = 9$ (viên).

Hùng có số viên bi là: $(45 + 9) : 2 = 27$ (viên).

Dũng có số viên bi là: $27 - 9 = 18$ (viên).

Đáp số: Hùng: 27 viên bi;

Dũng: 18 viên bi.

Bài 66. Tìm hai số có tổng là số lẻ lớn nhất có hai chữ số, hiệu là số lẻ bé nhất có hai chữ số.

Lời giải

Tổng của hai số là số lẻ lớn nhất có hai chữ số là: 99.

Hiệu hai số là số lẻ bé nhất có hai chữ số là: 11.

Số bé là: $(99 - 11) : 2 = 44$.

Số lớn là: $44 + 11 = 55$.

Đáp số: 44; 55.

Bài 67. Tìm hai số chẵn liên tiếp biết tổng của chúng bằng 294.

Lời giải

Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị nên hiệu của hai số là: 2.

Số lớn là: $(294 + 2) : 2 = 148$.

Số bé là: $148 - 2 = 146$.

Đáp số: 146; 148.

Bài 68. Hai đội trồng rừng được 456 cây. Biết đội thứ nhất trồng nhiều hơn đội thứ hai 34 cây. Tính số cây mỗi đội trồng được.

Lời giải

Đội I trồng được số cây là: $(456 + 34) : 2 = 245$ (cây).

Đội II trồng được số cây là: $245 - 34 = 211$ (cây).

Đáp số: Đội I: 245 cây; Đội II: 211 cây.

Bài 69. Tìm hai số lẻ liên tiếp biết tổng của chúng bằng 352.

Lời giải

Hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị nên hiệu của hai số là: 2.

Số bé là: $(352 - 2) : 2 = 175$.

Số bé là: $175 + 2 = 177$.

Đáp số: 175; 177.

Bài 70. Tuổi của chị và tuổi của em cộng lại bằng 26 tuổi. Biết chị hơn em 8 tuổi. Tính tuổi mỗi người.

Lời giải

Tuổi em là: $(26 - 8) : 2 = 9$ (tuổi).

Tuổi chị là: $9 + 8 = 17$ (tuổi).

Đáp số: 9 tuổi; 17 tuổi.

Bài 71. Tổng của chúng bằng 45, hiệu của chúng cũng bằng 45. Tìm hai số đó.

Lời giải

Số bé là: $(45 - 45) : 2 = 0$.

Số bé là: $0 + 45 = 45$.

Đáp số: 0; 45.

Bài 72. Chu vi của một thửa ruộng bằng 248 m. Chiều rộng kém chiều dài 12 m. Hỏi chiều dài, chiều rộng của thửa ruộng bằng bao nhiêu?

Lời giải

Nửa chu vi là: $248 : 2 = 124$ (m).

Chiều rộng thửa ruộng là: $(124 - 12) : 2 = 56$ (m).

Chiều dài của thửa ruộng là: $56 + 12 = 68$ (m).

Đáp số: chiều dài: 68 m; chiều rộng: 56 m.

Bài 73. Trong năm qua nhà bác Thuật đã thu hoạch được 1 tấn và 210 kg thóc. Biết vụ mùa thu kém vụ chiêm 270 kg thóc. Tính số thóc mỗi vụ nhà bác Thuật đã thu hoạch được.

Lời giải

Đổi: 1 tấn 210 kg = 1210 kg.

Vụ chiêm nhà bác Thuật thu được số thóc là: $(1210 + 270) : 2 = 740$ (kg).

Vụ mùa nhà bác Thuật thu được số thóc là: $740 - 270 = 470$ (kg).

Đáp số: vụ chiêm: 270 kg; vụ mùa: 470 kg.

- Bài 74.** Hai phân xưởng sản xuất được 456 sản phẩm. Nếu phân xưởng thứ nhất sản xuất thêm 34 sản phẩm và phân xưởng thứ hai sản xuất thêm 66 sản phẩm thì số sản phẩm của hai phân xưởng sản xuất là bằng nhau. Tính số sản phẩm mỗi phân xưởng sản xuất được.

Lời giải

Phân xưởng thứ nhất sản xuất nhiều hơn phân xưởng thứ hai số sản phẩm là:

$$66 - 34 = 32 \text{ (sản phẩm)}$$

Phân xưởng thứ hai sản xuất được số sản phẩm là:

$$(456 - 32) : 2 = 212 \text{ (sản phẩm)}$$

Phân xưởng thứ nhất sản xuất được số sản phẩm là:

$$212 + 34 = 244 \text{ (sản phẩm)}$$

Đáp số: Phân xưởng thứ nhất: 244 sản phẩm;

Phân xưởng thứ hai: 212 sản phẩm.

- Bài 75.** Nam có nhiều hơn Tùng 34 viên bi. Nếu Tùng có thêm 24 viên, Nam có thêm 15 viên thì tổng số bi của hai bạn là 125 viên. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu viên bi?

Lời giải

Thực tế tổng số bi của hai bạn là: $125 - 24 - 15 = 86$ (viên).

Nam có số bi là: $(86 + 34) : 2 = 60$ (viên).

Tùng có số bi là: $60 - 34 = 26$ (viên).

Đáp số: Nam: 60 viên bi;

Tùng: 26 viên bi.

Bài 76. Lớp 4A và 4B trồng được tất cả 786 cây. Lớp 4A trồng được nhiều hơn lớp 4B 46 cây. Tính số cây mỗi lớp trồng được.

Lời giải

Lớp 4B trồng được số cây là: $(786 - 46) : 2 = 370$ (cây).

Lớp 4A trồng được số cây là: $370 + 46 = 416$ (cây).

Đáp số: 4A: 416 cây; 4B: 370 cây.

Bài 77. Tổng của hai số chẵn là 164, biết giữa chúng có 4 số lẻ. Tìm hai số đó.

Lời giải

Giữa hai số chẵn có 4 số lẻ nên hiệu của chúng là: $4 \times 2 = 8$.

Số bé là: $(164 - 8) : 2 = 78$.

Số lớn là: $78 + 8 = 86$.

Đáp số: 78; 86.

Bài 78. Hai thùng dầu đựng 345 lít dầu. Nếu chuyển 30 lít dầu từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì thùng thứ hai sẽ nhiều hơn thùng thứ nhất 5 lít dầu. Tính số dầu ở mỗi thùng.

Lời giải

Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai số dầu là: $30 \times 2 - 5 = 55$ (lít).

Thùng thứ nhất có số dầu là: $(345 + 55) : 2 = 200$ (lít).

Thùng thứ hai có số dầu là: $200 - 55 = 145$ (lít).

Đáp số: Thùng thứ nhất: 200 lít dầu;

Thùng thứ hai: 145 lít dầu.

Bài 79. số tuổi của hai bố con là 38 tuổi. Biết nếu con tăng thêm 2 tuổi thì bố hơn con 24 tuổi. Tính tuổi bố, tuổi con.

Lời giải

Bố hơn con số tuổi là: $24 + 2 = 26$ (tuổi).

Tuổi con là: $(38 - 26) : 2 = 6$ (tuổi).

Tuổi bố là: $6 + 26 = 32$ (tuổi).

Đáp số: Bố: 32 tuổi; Con: 6 tuổi.

Bài 80. Mẹ hơn Thái 30 tuổi. Đến năm 2010 tổng số tuổi của hai mẹ con bằng 46. Như vậy mẹ sinh Thái vào năm nào?

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai mẹ con không đổi theo thời gian nên năm 2010 mẹ vẫn hơn Thái 30 tuổi.

Tuổi con năm 2010 là: $(46 - 30) : 2 = 8$ (tuổi).

Mẹ sinh thái vào năm: $2010 - 8 = 2002$.

Đáp số: 2002.

Bài 81. Hai bể chứa tất cả 5000 lít nước. Người ta tháo bớt 750 lít nước ở bể thứ nhất và tháo bớt 1050 lít nước ở bể thứ hai thì số nước ở hai bể bằng nhau. Tính số nước ban đầu ở hai bể?

Lời giải

Ban đầu bể thứ nhất ít hơn bể thứ hai số lít nước là: $1050 - 750 = 300$ (lít).

Lúc đầu bể I chứa số nước là: $(5000 - 300) : 2 = 2350$ (lít).

Lúc đầu bể II chứa số nước là: $2350 + 300 = 2650$ (lít).

Đáp số: Bể I: 2350 lít nước; Bể II: 2650 lít nước.

Bài 82. Biết tổng số tuổi của hai mẹ con hiện nay là 46 tuổi. Hỏi hiện nay mẹ bao nhiêu tuổi biết năm năm trước đây mẹ hơn con 24 tuổi?

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai mẹ con không đổi theo thời gian nên hiện nay mẹ vẫn hơn con 24 tuổi.

Tuổi con năm hiện nay là: $(46 - 24) : 2 = 11$ (tuổi).

Tuổi mẹ hiện nay là: $11 + 24 = 35$ (tuổi).

Đáp số: Con: 11 tuổi; Mẹ: 35 tuổi.

Bài 83. Tìm hai số có hiệu bằng 155 và nếu lấy số thứ nhất cộng với số thứ hai và cộng thêm tổng của chúng thì được kết quả bằng 2010.

Lời giải

Tổng của hai số là: $2010 : 2 = 1005$.

Số bé là: $(1005 - 155) : 2 = 425$.

Số lớn là: $425 + 155 = 580$.

Đáp số: 425; 580.

Bài 84. Thu hoạch từ hai thửa ruộng được 4 tấn 6 tạ thóc. Biết rằng nếu thu hoạch từ thửa thứ nhất thêm 2 tạ nữa thì số thóc thu được ở hai thửa bằng nhau. Hỏi mỗi thửa thu được bao nhiêu tạ thóc?

Lời giải

Đổi 4 tấn 6 tạ = 46 tạ.

Nếu thu được từ thửa thứ nhất thêm 2 tạ nữa thì số thóc thu được ở hai thửa bằng nhau nên thửa thứ hai thu hoạch nhiều hơn thửa thứ nhất 2 tạ thóc.

Thửa thứ nhất thu được số tạ thóc là: $(46 - 2) : 2 = 22$ (tạ).

Thửa thứ hai thu được số tạ thóc là: $22 + 2 = 24$ (tạ).

Đáp số: thửa thứ nhất: 22 tạ thóc; thửa thứ hai: 24 tạ thóc.

Bài 85. Một kho lương thực nhập thóc trong hai đợt được tất cả 12632 tạ thóc. Nếu đợt nhập thứ nhất nhập thêm 370 tạ thóc thì sẽ hơn đợt hai 246 tạ. Tính số thóc kho lương thực nhập trong mỗi đợt.

Lời giải

Đợt thứ nhất nhập ít hơn đợt thứ hai số thóc là: $370 - 246 = 124$ (tạ).

Đợt thứ nhất nhập số thóc là: $(12632 - 124) : 2 = 6254$ (tạ).

Đợt thứ hai nhập số thóc là: $6254 + 124 = 6378$ (tạ).

Đáp số: Đợt thứ nhất: 6254 tạ thóc.

Đợt thứ hai: 6378 tạ thóc.

Bài 86. Lớp 4A có 32 học sinh, biết số học sinh nam nhiều hơn số học sinh nữ 4 bạn. Tính số học sinh nữ.

Lời giải

Số học sinh nữ của lớp đó là: $(32 - 4) : 2 = 14$ (học sinh).

Đáp số: 14 học sinh nữ.

Bài 87. Cho hai số biết tổng của chúng bằng 48926 và hiệu của chúng bằng 13508. Tìm số lớn.

Lời giải

Số lớn là: $(48926 + 13508) : 2 = 31217$.

Đáp số: 31217.

Bài 88. Tổng số tuổi của Minh và anh là 24 tuổi. Biết Minh kém anh 4 tuổi. Tính tuổi mỗi người sau hai năm nữa.

Lời giải

Tuổi của Minh sau hai năm là: $(24 - 4) : 2 + 2 = 12$ (tuổi).

Tuổi của anh sau hai năm là: $12 + 4 = 16$.

Đáp số: 12 tuổi; 16 tuổi.

Bài 89. Ông hơn cháu 58 tuổi. Ba năm nữa thì tổng số tuổi của hai ông cháu là 84 tuổi. Hỏi hiện nay ông bao nhiêu tuổi, cháu bao nhiêu tuổi?

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai ông cháu không thay đổi theo thời gian 3 năm nữa ông vẫn hơn cháu 58 tuổi.

Tuổi cháu sau 3 năm nữa là: $(84 - 58) : 2 = 13$ (tuổi).

Tuổi cháu hiện nay là: $13 - 3 = 10$ (tuổi).

Tuổi ông hiện nay là: $10 + 58 = 68$ (tuổi).

Đáp số: Cháu: 10 tuổi; Ông: 68 tuổi.

Bài 90. Mẹ hơn con 28 tuổi. Biết 5 năm trước tổng số tuổi của hai mẹ con là 46 tuổi. Tính tuổi mẹ hiện nay.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai mẹ con không thay đổi theo thời gian 5 năm trước mẹ vẫn hơn con 28 tuổi.

Tuổi mẹ 5 năm trước là: $(46 + 28) : 2 = 37$ (tuổi).

Tuổi mẹ hiện nay là: $37 + 5 = 42$ (tuổi).

Đáp số: 42 tuổi.

Bài 91. Hai kho thóc chứa tất cả 250 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho A sang kho B 18 tấn thóc thì số thóc ở hai kho bằng nhau. Hỏi kho B chứa bao nhiêu tấn thóc?

Lời giải

Kho A nhiều hơn kho B số thóc là: $18 \times 2 = 36$ (tấn).

Kho B chứa số thóc là: $(250 - 36) : 2 = 107$ (tấn).

Đáp số: Kho B: 107 tấn thóc.

Bài 92. Hai thửa ruộng thu hoạch được 5 tấn 2 tạ thóc. Biết thửa thứ nhất thu được nhiều hơn thửa thứ hai 8 tạ. Hỏi thửa thứ nhất thu được bao nhiêu ki – lô – gam thóc?

Lời giải

Đổi 5 tấn 2 tạ thóc = 5200 kg thóc; 8 tạ = 800 kg thóc.

Thửa ruộng thứ nhất thu được số ki – lô – gam thóc là: $(5200 + 800) : 2 = 3000$ (kg).

Đáp số: 3000 kg thóc.

Bài 93. Mẹ hơn con 26 tuổi, 5 năm nữa tổng số tuổi của hai mẹ con là 48 tuổi. Tính số tuổi của mẹ hiện nay.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai mẹ con không thay đổi theo thời gian 5 năm nữa mẹ vẫn hơn con 26 tuổi.

Tuổi mẹ 5 năm nữa là: $(48 + 26) : 2 = 37$ (tuổi).

Tuổi mẹ hiện nay là: $37 - 5 = 32$ (tuổi).

Đáp số: 32 tuổi.

Bài 94. Tổng số tuổi ông và cháu hai năm trước là 64 tuổi. Biết 3 năm nữa ông hơn cháu là 56 tuổi. Tính tuổi ông, tuổi cháu hiện nay.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai ông cháu không thay đổi theo thời gian 2 năm trước ông vẫn hơn cháu 56 tuổi.

Tuổi ông 2 năm trước là: $(64 + 56) : 2 = 60$ (tuổi).

Tuổi ông hiện nay là: $60 + 2 = 62$ (tuổi).

Tuổi cháu hiện nay là: $62 - 56 = 6$ (tuổi).

Đáp số: Ông: 62 tuổi; Cháu: 6 tuổi.

Bài 95. Cho hai số biết tổng của chúng bằng hiệu của chúng và bằng 2013. Tìm số bé.

Lời giải

Số bé là: $(2013 - 2013) : 2 = 0$.

Đáp số: 0.

Bài 96. Trong đợt mưa lũ ở Hà Nội vừa qua, ở hai quận Đống Đa và Ba Đình trung bình mỗi quận có 60 ngôi nhà bị ngập nước. Tính số nhà bị ngập nước ở quận Ba Đình biết rằng số nhà bị ngập ở quận Đống Đa hơn số nhà bị ngập ở quận Ba Đình là 12 nhà.

Lời giải

Tổng số nhà bị ngập nước ở hai quận là: $60 \times 2 = 120$ (nhà).

Số nhà bị ngập nước ở quận Ba Đình là: $(120 - 12) : 2 = 54$ (nhà).

Đáp số: 54 nhà.

Bài 97. Mẹ hơn con 28 tuổi, 5 năm nữa tổng số tuổi của hai mẹ con là 64 tuổi. Tính tuổi con hiện nay.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai mẹ con không thay đổi theo thời gian 5 năm nữa mẹ vẫn hơn con 28 tuổi.

Tuổi con 5 năm nữa là: $(64 - 28) : 2 = 18$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $18 - 5 = 13$ (tuổi).

Đáp số: 13 tuổi.

Bài 98. Hai kho thóc chứa tất cả 250 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho A sang kho B 20 tấn thì số thóc ở hai kho bằng nhau. Hỏi kho A chứa bao nhiêu tấn thóc?

Lời giải

Kho A nhiều hơn kho B số thóc là: $20 \times 2 = 40$ (tấn).

Kho A có số thóc là: $(250 + 40) : 2 = 145$ (tấn).

Đáp số: 145 tấn thóc.

Bài 99. Cả hai dãy có 50 cây nhãn. Dãy thứ nhất nhiều hơn dãy thứ hai 6 cây nhãn. Tính số nhãn dãy thứ nhất.

Lời giải

Dãy thứ nhất có số cây nhãn là: $(50 + 6) : 2 = 28$ (cây).

Đáp số: 28 cây nhãn.

Bài 100. Tìm hai số tự nhiên, biết rằng tổng và hiệu của hai số đó bằng nhau và bằng số liền sau của 100.

Lời giải

Tổng và hiệu của hai số đó là 101.

Số bé là: $(101 - 101) : 2 = 0$.

Số lớn là: $0 + 101 = 101$.

Đáp số: 0; 101.

Bài 101. Một lớp học có 34 học sinh. Số học sinh trai nhiều hơn số học sinh gái là 6 bạn. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh trai?

Lời giải

Lớp đó có số học sinh trai là: $(34 + 6) : 2 = 20$ (bạn).

Đáp số: 20 bạn.

Bài 102. Tổng của hai số chẵn bằng 120. Biết giữa chúng có tất cả 10 số lẻ. Tìm số bé.

Lời giải

Hiệu của hai số là: $10 \times 2 = 20$.

Số bé là: $(120 - 20) : 2 = 50$.

Đáp số: 50.

Bài 103. Xưởng A đóng được nhiều hơn xưởng B là 475 bộ bàn ghế. Nếu xưởng B đóng thêm 125 bộ nữa thì cả hai xưởng đóng được 5000 bộ bàn ghế. Hỏi xưởng B đóng được bao nhiêu bộ bàn ghế?

Lời giải

Thực tế cả hai xưởng đóng được số bộ bàn ghế là: $5000 - 125 = 4875$ (bộ).

Xưởng B đóng được số bộ bàn ghế là: $(4875 - 475) : 2 = 2200$ (bộ).

Đáp số: 2200 bộ bàn ghế.

Bài 104. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 220 và hiệu của chúng bằng 40.

Lời giải

Số lớn là: $(220 + 40) : 2 = 130$.

Số bé là: $130 - 40 = 90$.

Đáp số: 90; 130.

Bài 105. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 145 và hiệu của chúng bằng 91.

Lời giải

Số lớn là: $(145 + 91) : 2 = 118$.

Số bé là: $118 - 91 = 27$.

Đáp số: 27 ; 118.

Bài 106. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 215 và hiệu của chúng bằng 55.

Lời giải

Số lớn là: $(215 + 55) : 2 = 135$.

Số bé là: $135 - 55 = 80$.

Đáp số: 80 ; 135.

Bài 107. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 195 và hiệu của chúng bằng 51.

Lời giải

Số lớn là: $(195 + 51) : 2 = 123$.

Số bé là: $123 - 51 = 72$.

Đáp số: 72 ; 123.

Bài 108. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 350 và hiệu của chúng bằng 120.

Lời giải

Số lớn là: $(350 + 120) : 2 = 235$.

Số bé là: $235 - 120 = 115$.

Đáp số: 115 ; 235.

Bài 109. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 120 và hiệu của chúng bằng 38.

Lời giải

Số lớn là: $(120 + 38) : 2 = 79$.

Số bé là: $79 - 38 = 41$.

Đáp số: 41 ; 79.

Bài 110. Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2009. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 50 số tự nhiên khác. Số bé là:.....; Số lớn là:.....

Lời giải

Hiệu hai số là: $50 + 1 = 51$.

Số lớn là: $(2009 + 51) : 2 = 1030$.

Số bé là: $1030 - 51 = 979$.

Đáp số: 979; 1030.

Bài 111. An và Bình có tuổi trung bình là 12 tuổi. Biết An hơn Bình 4 tuổi. Tính tuổi của mỗi người? Tuổi An là:.....tuổi; Tuổi Bình là:.....tuổi.

Lời giải

Tổng số tuổi của hai bạn là: $12 \times 2 = 24$.

Tuổi của An là: $(24 + 4) : 2 = 14$ (tuổi).

Tuổi của Bình là: $14 - 4 = 10$ (tuổi).

Đáp số: 14 tuổi; 10 tuổi.

Bài 112. An và Bình có tuổi trung bình là 9 tuổi. Biết An hơn Bình 4 tuổi. Tính tuổi của mỗi người? Tuổi An là:.....tuổi; Tuổi Bình là:.....tuổi.

Lời giải

Tổng số tuổi của hai bạn là: $9 \times 2 = 18$.

Tuổi của An là: $(18 + 4) : 2 = 11$ (tuổi).

Tuổi của Bình là: $11 - 4 = 7$ (tuổi).

Đáp số: 11 tuổi; 7 tuổi.

Bài 113. Hòa và Bình có tuổi trung bình là 10 tuổi. Biết Hòa hơn Bình 6 tuổi. Tính tuổi của mỗi người?

Lời giải

Tổng số tuổi của hai bạn là: $10 \times 2 = 20$.

Tuổi của Hòa là: $(20 + 6) : 2 = 13$ (tuổi).

Tuổi của Bình là: $13 - 6 = 7$ (tuổi).

Đáp số: 13 tuổi; 7 tuổi.

Bài 114. An và Bình có tất cả 20 viên bi. Biết nếu An cho Bình 2 viên bi thì số bi của hai người bằng nhau. Tính số bi của mỗi người.

Lời giải

An nhiều hơn Bình số viên bi là: $2 \times 2 = 4$ (viên).

An có số viên bi là: $(20 + 4) : 2 = 12$ (viên).

Bình có số viên bi là: $12 - 4 = 8$ (viên).

Đáp số: An: 12 viên bi; Bình: 8 viên bi.

Bài 115. An và Bình có tất cả 30 viên bi. Biết nếu An cho Bình 2 viên bi thì số bi của hai người bằng nhau. Số bi của An là:.....viên; Số bi của Bình là:.....viên.

Lời giải

An nhiều hơn Bình số viên bi là: $5 \times 2 = 10$ (viên).

An có số viên bi là: $(30 + 10) : 2 = 20$ (viên).

Bình có số viên bi là: $20 - 10 = 10$ (viên).

Đáp số: An: 20 viên bi; Bình: 10 viên bi.

Bài 116. Lớp 4A1 và lớp 4A2 góp tất cả được 93 quyển truyện vào thư viện của trường. Trong đó lớp 4A2 góp được nhiều hơn lớp 4A1 là 15 quyển. Hỏi lớp 4A2 góp được bao nhiêu quyển vở?

Lời giải

Lớp 4A2 góp được số quyển là: $(93 + 15) : 2 = 54$ (quyển).

Đáp số: 54 quyển.

Bài 117. Hai bao đựng 40 kg gạo. Nếu lấy 5 kg ở bao thứ nhất đổ vào bao thứ hai thì số gạo ở hai bao bằng nhau. Tính số gạo ở bao thứ nhất.

Lời giải

Bao thứ nhất nhiều hơn bao thứ hai số gạo là: $5 \times 2 = 10$ (kg).

Đáp số: 25 kg gạo.

Bài 118. Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 400 và hiệu của chúng bằng 40.

Lời giải

Số lớn là: $(400 + 40) : 2 = 220$.

Số bé là: $220 - 40 = 180$.

Đáp số: 180; 220.

Bài 119. Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 1010 và hiệu của chúng bằng 110.

Lời giải

Số lớn là: $(1010 + 110) : 2 = 560$.

Số bé là: $560 - 110 = 450$.

Đáp số: 560; 450.

Bài 120. Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 215 và hiệu của chúng bằng 45.

Lời giải

Số lớn là: $(215 + 45) : 2 = 130$.

Số bé là: $130 - 45 = 85$.

Đáp số: 85; 130.

Bài 121. Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 120 và hiệu của chúng bằng 30.

Lời giải

Số lớn là: $(120 + 30) : 2 = 75$.

Số bé là: $75 - 30 = 45$.

Đáp số: 45; 75.

Bài 122. Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 396 và hiệu của chúng bằng 104.

Lời giải

Số lớn là: $(396 + 104) : 2 = 250$.

Số bé là: $250 - 104 = 146$.

Đáp số: 146; 250.

Bài 123. Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 2008 và hiệu của chúng bằng 20.

Lời giải

Số lớn là: $(2008 + 20) : 2 = 1014$.

Số bé là: $1014 - 20 = 994$.

Đáp số: 994; 1014.

Bài 124. Tìm hai số, biết tổng của chúng bằng 2008 và hiệu của chúng bằng 2000.

Lời giải

Số lớn là: $(2008 + 2000) : 2 = 2004$.

Số bé là: $2004 - 2000 = 4$.

Đáp số: 4; 2004.

Bài 125. Tổng của hai số chẵn là 234, biết giữa chúng có 5 số lẻ. Hai số đó là:.....

Lời giải

Hiệu của hai số là: $5 \times 2 = 10$.

Số lớn là: $(234 + 10) : 2 = 122$.

Số bé là: $122 - 10 = 112$.

Đáp số: 112; 122.

Bài 126. Hai thửa ruộng thu được 6 tấn 7 tạ thóc. Biết thửa thứ nhất thu được nhiều hơn thửa thứ hai 5 tạ. Thửa thứ nhất thu được:.....kg; Thửa thứ hai thu được:.....kg.

Lời giải

Đổi: 6 tấn 7 tạ = 6700 kg; 5 tạ = 500 kg.

Thửa thứ nhất thu được số ki – lô – gam thóc là: $(6700 + 500) : 2 = 3600$ (kg).

Thửa thứ hai thu được số ki – lô – gam thóc là: $3600 - 500 = 3100$ (kg).

Đáp số: 3600 kg; 3100 kg.

Bài 127. Hai kho chứa 320 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho B sang kho A 20 tấn thì số thóc ở kho B vẫn nhiều hơn kho A 20 tấn. Kho A chứa:.....tấn; kho B chứa:.....tấn.

Lời giải

Kho B nhiều hơn kho A số thóc là: $20 \times 20 + 20 = 60$ (tấn).

Kho A chứa số thóc là: $(320 - 60) : 2 = 130$ (tấn).

Kho B chứa số thóc là: $130 + 60 = 190$ (tấn).

Đáp số: 130 tấn; 190 tấn.

Bài 128. Hai kho chứa 370 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho B sang kho A 35 tấn thì số thóc ở kho A nhiều hơn ở kho B 20 tấn. Kho A chứa:.....tấn; kho B chứa:.....tấn.

Lời giải

Kho A lúc sau có số tấn thóc là: $(370 + 20) : 2 = 195$ (tấn).

Kho A lúc đầu có số thóc là: $195 - 35 = 160$ (tấn).

Kho B lúc đầu có số thóc là: $370 - 160 = 210$ (tấn).

Đáp số: 160 tấn; 210 tấn.

Bài 129. Hai kho chứa 350 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho A sang kho B 30 tấn thì số thóc ở kho B sẽ nhiều hơn số thóc ở kho A 10 tấn. Kho A chứa:.....tấn; kho B chứa:.....tấn.

Lời giải

Kho A lúc sau có số thóc là: $(350 - 10) : 2 = 170$ (tấn).

Kho A lúc đầu có số thóc là: $170 + 30 = 200$ (tấn).

Kho B lúc đầu có số thóc là: $350 - 200 = 150$ (tấn).

Đáp số: 200 tấn; 150 tấn.

Bài 130. Một lớp học có 45 học sinh. Số học sinh trai nhiều hơn số học sinh gái là 7 bạn. Số học sinh trai là:.....bạn; số học sinh gái là:.....bạn.

Lời giải

Lớp đó có số học sinh trai là: $(45 + 7) : 2 = 26$ (bạn).

Số học sinh gái lớp đó là: $26 - 7 = 19$ (bạn).

Đáp số: 26 bạn trai 19 bạn gái.

Bài 131. Tìm hai số tự nhiên, biết tổng của chúng bằng 2009 và giữa chúng có tất cả 20 số tự nhiên khác. Số bé là:.....; số lớn là:.....

Lời giải

Hiệu của hai số tự nhiên là: $20 \times 1 + 1 = 21$.

Số lớn là: $(2009 + 21) : 2 = 1015$.

Số bé là: $1015 - 21 = 994$.

Đáp số: 994; 1015.

Bài 132. Tìm hai số tự nhiên, biết tổng của chúng bằng 2008 và giữa chúng có tất cả 15 số tự nhiên khác. Số bé là:.....; số lớn là:.....

Lời giải

Hiệu của hai số tự nhiên là: $15 \times 1 + 1 = 16$.

Số lớn là: $(2008 + 16) : 2 = 1012$.

Số bé là: $1012 - 16 = 996$.

Đáp số: 996; 1012.

Bài 133. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng hiệu của chúng và bằng 2008.

Số bé là: 0; Số lớn là: 2008.

Bài 134. Trung bình cộng của hai số bằng 89, biết số lớn hơn số bé 12 đơn vị. Số bé là:.....; số lớn là:.....

Lời giải

Tổng của hai số là: $89 \times 2 = 178$.

Số lớn là: $(178 + 12) : 2 = 95$.

Số bé là: $95 - 12 = 83$.

Đáp số: 83; 95.

Bài 135. Trung bình cộng của hai số bằng 246, biết số lớn hơn số bé 86 đơn vị. Số bé là:.....; số lớn là:.....

Lời giải

Tổng của hai số là: $246 \times 2 = 492$.

Số lớn là: $(492 + 86) : 2 = 289$.

Số bé là: $289 - 86 = 203$.

Đáp số: 203; 289.

Bài 136. Trung bình cộng của hai số bằng 125 biết số lớn hơn số bé 20 đơn vị. Số bé là:.....; số lớn là:.....

Lời giải

Tổng của hai số là: $125 \times 2 = 250$.

Số lớn là: $(250 + 20) : 2 = 135$.

Số bé là: $135 - 20 = 115$.

Đáp số: 135; 115.

Bài 137. Trung bình cộng hai số bằng số nhỏ nhất có ba chữ số khác nhau, biết số lớn hơn trung bình cộng hai số là 24 đơn vị. Số bé là:.....

Lời giải

Trung bình cộng của hai số là: 102.

Số lớn lớn hơn trung bình cộng của hai số là 24.

Vậy số bé sẽ bé hơn trung bình cộng của hai số là 24.

Số bé là: $102 - 24 = 78$.

Đáp số: 78.

Bài 138. Hai lớp 4A và 4B trồng được tất cả 450 cây. Lớp 4A trồng được nhiều hơn 4B là 30 cây. Lớp 4A trồng được:.....cây; lớp 4B trồng được:.....cây.

Lời giải

Lớp 4A trồng được số cây là: $(450 + 30) : 2 = 240$ (cây).

Lớp 4B trồng được số cây là: $240 - 30 = 210$ (cây).

Đáp số: 240 cây; 210 cây.

Bài 139. Mẹ hơn con 25 tuổi. Biết 3 năm nữa tổng số tuổi của hai mẹ con là 45 tuổi. Tuổi mẹ hiện nay là:.....; tuổi con hiện nay là:.....

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai mẹ con không thay đổi theo thời gian nên ba năm nữa mẹ vẫn hơn con 25 tuổi.

Tuổi mẹ ba năm nữa là: $(45 + 25) : 2 = 35$ (tuổi).

Tuổi mẹ hiện nay là: $35 - 3 = 32$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $32 - 25 = 7$ (tuổi).

Đáp số: 32 tuổi; 7 tuổi.

Bài 140. Cha hơn con 32 tuổi. Biết 4 năm nữa tổng số tuổi của hai cha con là 56 tuổi. Tuổi cha hiện nay là:.....; tuổi con hiện nay là:.....

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai cha con không thay đổi theo thời gian nên bốn năm nữa cha vẫn hơn con 32 tuổi.

Tuổi cha bốn năm nữa là: $(56 + 32) : 2 = 44$ (tuổi).

Tuổi cha hiện nay là: $44 - 4 = 40$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $40 - 32 = 8$ (tuổi).

Đáp số: 40 tuổi; 8 tuổi.

Bài 141. Cha hơn con 30 tuổi. Biết 5 năm nữa tổng số tuổi của hai cha con là 54 tuổi. Tuổi cha hiện nay là:.....; tuổi con hiện nay là:.....

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai cha con không thay đổi theo thời gian nên năm năm nữa cha vẫn hơn con 30 tuổi.

Tuổi cha năm năm nữa là: $(54 + 30) : 2 = 42$ (tuổi).

Tuổi cha hiện nay là: $42 - 5 = 37$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $37 - 30 = 7$ (tuổi).

Đáp số: 37 tuổi; 7 tuổi.

Bài 142. Khi An 10 tuổi thì bố 40 tuổi. Tính tuổi của An và tuổi bố An hiện nay. Biết tổng số tuổi hao bố con hiện nay là 58 tuổi.

Lời giải

Bố hơn An số tuổi là: $40 - 10 = 30$ (tuổi).

Tuổi bố hiện nay là: $(58 + 30) : 2 = 44$ (tuổi).

Tuổi An hiện nay là: $44 - 30 = 14$ (tuổi).

Đáp số: 44 tuổi; 14 tuổi.

Bài 143. Khi Minh 15 tuổi thì bố 45 tuổi. Tính tuổi của Minh và tuổi bố Minh hiện nay. Biết tổng số tuổi của hai bố con hiện nay là 52 tuổi.

Lời giải

Bố hơn Minh số tuổi là: $45 - 15 = 30$ (tuổi).

Tuổi bố hiện nay là: $(52 + 30) : 2 = 41$ (tuổi).

Tuổi Minh hiện nay là: $41 - 30 = 11$ (tuổi).

Đáp số: 41 tuổi; 11 tuổi.

Bài 144. Khi Mai 8 tuổi thì mẹ 36 tuổi. Tính tuổi của Mai và tuổi mẹ Mai hiện nay. Biết tổng số tuổi của hai mẹ con hiện nay là 52 tuổi.

Lời giải

Mẹ hơn Mai số tuổi là: $36 - 8 = 28$ (tuổi).

Tuổi mẹ hiện nay là: $(52 + 28) : 2 = 40$ (tuổi).

Tuổi Mai hiện nay là: $40 - 28 = 12$ (tuổi).

Đáp số: 12 tuổi; 40 tuổi.

Bài 145. Mẹ hơn con 28 tuổi. Biết 4 năm trước tổng số tuổi của hai mẹ con là 48 tuổi. Tuổi mẹ hiện nay là:.....tuổi; tuổi con hiện nay là:.....tuổi.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai cha con không thay đổi theo thời gian nên 4 năm trước mẹ vẫn hơn con 28 tuổi.

Tuổi mẹ bốn năm trước là: $(48 - 28) : 2 = 10$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $10 + 4 = 14$ (tuổi).

Tuổi mẹ hiện nay là: $14 + 28 = 42$ (tuổi).

Đáp số: 14 tuổi; 42 tuổi.

Bài 146. Mẹ hơn con 25 tuổi. Biết 5 năm nữa tổng số tuổi của hai mẹ con là 61 tuổi. Tuổi mẹ hiện nay là:.....tuổi; tuổi con hiện nay là:.....tuổi.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai cha con không thay đổi theo thời gian nên 5 năm nữa mẹ vẫn hơn con 25 tuổi.

Tuổi mẹ năm năm nữa là: $(61 + 25) : 2 = 43$ (tuổi).

Tuổi mẹ hiện nay là: $43 - 5 = 38$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $38 - 25 = 13$ (tuổi).

Đáp số: 38 tuổi; 13 tuổi.

Bài 147. Cha hơn con 32 tuổi. Biết 4 năm nữa thì tổng số tuổi của hai cha con là 64 tuổi. Tuổi cha hiện nay là:.....tuổi; tuổi con hiện nay là:.....tuổi.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai cha con không thay đổi theo thời gian nên 4 năm nữa cha vẫn hơn con 32 tuổi.

Tuổi cha 4 năm nữa là: $(64 + 32) : 2 = 48$ (tuổi).

Tuổi cha hiện nay là: $48 - 4 = 44$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $44 - 32 = 12$ (tuổi).

Đáp số: 44 tuổi; 12 tuổi.

Bài 148. Khi Mai 8 tuổi thì mẹ Mai 36 tuổi. Tính tuổi Mai và tuổi mẹ Mai hiện nay, biết tổng số tuổi của hai mẹ con hiện nay là 50 tuổi.

Lời giải

Mẹ hơn Mai số tuổi là: $36 - 8 = 28$ (tuổi).

Hiệu số tuổi của hai mẹ con không thay đổi theo thời gian nên hiện nay mẹ vẫn hơn Mai 28 tuổi.

Tuổi mẹ hiện nay là: $(50 + 28) : 2 = 39$ (tuổi).

Tuổi Mai hiện nay là: $39 - 28 = 11$ (tuổi).

Đáp số: 11 tuổi; 39 tuổi.

Bài 149. Khi Minh 15 tuổi thì bố Minh 45 tuổi. Tính tuổi Minh và tuổi bố Minh hiện nay, biết tổng số tuổi của hai bố con hiện nay là 50 tuổi.

Lời giải

Bố hơn Minh số tuổi là: $45 - 15 = 30$ (tuổi).

Hiệu số tuổi của hai bố con không thay đổi theo thời gian nên hiện nay bố vẫn hơn con 30 tuổi.

Tuổi bố hiện nay là: $(50 + 30) : 2 = 40$ (tuổi).

Tuổi Minh hiện nay là: $40 - 30 = 10$ (tuổi).

Đáp số: 10 tuổi; 40 tuổi.

Bài 150. Hai lớp 4A và 4B trồng được tất cả 450 cây. Lớp 4A trồng được ít hơn lớp 4B là 40 cây. Lớp 4A trồng được:.....cây; Lớp 4B trồng được:.....cây.

Lời giải

Lớp 4A trồng được số cây là: $(450 - 40) : 2 = 205$ (cây).

Lớp 4B trồng được số cây là: $205 + 40 = 245$ (cây).

Đáp số: 205 cây; 245 cây.

Bài 151. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng hiệu và bằng 2009. Số bé là:....0 ..; số lớn là:.... 2009

Bài 152. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 2005 và giữa chúng có 10 số tự nhiên khác. Số bé là:.....; số lớn là:.....

Lời giải

Tổng của chúng là một số lẻ nên hai số phải có 1 số lẻ và 1 số chẵn.

Giữa chúng có 10 số tự nhiên khác nên hiệu của chúng là: $10 \times 1 + 1 = 11$.

Số lớn là: $(2005 + 11) : 2 = 1008$.

Số bé là: $1008 - 11 = 997$.

Đáp số: 997 ; 1008.

Bài 153. Tìm hai số biết tổng của chúng là 2008 và giữa chúng có 19 số tự nhiên khác. Số bé là:.....; số lớn là:.....

Lời giải

Giữa chúng có 19 số tự nhiên khác nhau nên hiệu của chúng là: $19 \times 1 + 1 = 20$.

Số lớn là: $(2008 + 20) : 2 = 1014$.

Số bé là: $1014 - 20 = 994$.

Đáp số: 994 ; 1014.

Bài 154. Một lớp học có 45 học sinh. Số học sinh trai nhiều hơn số học sinh gái là 9 bạn. Lớp học đó có:.....học sinh trai;.....học sinh gái.

Lời giải

Lớp đó có số học sinh trai là: $(45 + 9) : 2 = 27$ (bạn).

Số học sinh gái lớp đó là: $27 - 9 = 18$ (bạn).

Đáp số: 27 bạn; 18 bạn.

Bài 155. Trung bình cộng của hai số bằng 246 biết số lớn hơn số bé 68 đơn vị. Số bé là:.....; số lớn là:.....

Lời giải

Tổng của hai số là: $246 \times 2 = 492$.

Số lớn là: $(492 + 68) : 2 = 280$.

Số bé là: $280 - 68 = 212$.

Đáp số: 212 ; 280.

Bài 156. Trung bình cộng của hai số bằng 100 biết số lớn hơn số bé 24 đơn vị. Số bé là:.....; số lớn là:.....

Lời giải

Tổng của hai số là: $100 \times 2 = 200$.

Số lớn là: $(200 + 24) : 2 = 112$.

Số bé là: $112 - 24 = 88$.

Đáp số: 88; 112.

Bài 157. Hai thửa ruộng thu hoạch được 5 tấn 7 tạ thóc. Biết thửa A thu được nhiều hơn thửa B là 7 tạ. Thửa A thu hoạch được:.....kg; thửa B thu hoạch được:.....kg.

Lời giải

Đổi 5 tấn 7 tạ thóc = 5700 kg thóc; 7 tạ = 700 kg thóc.

Thửa ruộng B thu được số ki – lô – gam thóc là: $(5700 - 700) : 2 = 2500$ (kg).

Thửa ruộng A thu được số ki – lô – gam thóc là: $2500 + 700 = 3200$ (kg).

Đáp số: 3200 kg thóc; 2500 kg thóc.

Bài 158. Hai thửa ruộng thu hoạch được 5 tấn 6 tạ thóc. Biết thửa A thu được nhiều hơn thửa B là 8 tạ. Thửa A thu hoạch được:.....kg; thửa B thu hoạch được:.....kg.

Lời giải

Đổi 5 tấn 6 tạ thóc = 5600 kg thóc; 8 tạ = 800 kg thóc.

Thửa ruộng B thu được số ki – lô – gam thóc là: $(5600 - 800) : 2 = 2400$ (kg).

Thửa ruộng A thu được số ki – lô – gam thóc là: $2400 + 800 = 3200$ (kg).

Đáp số: 3200 kg thóc; 2400 kg thóc.

Bài 159. Hai kho thóc chứa tất cả 300 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho A sang kho B 30 tấn thì lúc này số thóc kho A vẫn nhiều hơn kho B là 10 tấn. Kho A chứa:.....tấn; kho B chứa:.....tấn.

Lời giải

Kho A nhiều hơn kho B số thóc là: $30 \times 2 + 10 = 70$ (tấn).

Kho A có số thóc là: $(300 + 70) : 2 = 185$ (tấn).

Kho B có số thóc là: $185 - 70 = 115$ (tấn).

Đáp số: 185 tấn thóc; 115 tấn thóc.

Bài 160. Trung bình cộng của hai số bằng 145 biết số lớn hơn số bé 20 đơn vị. Tìm hai số.

Lời giải

Số bé là: $145 - 20 : 2 = 135$.

Số lớn là: $145 + 20 : 2 = 155$.

Đáp số: 135 ; 155.

Bài 161. Tổng của hai số là 2971. Tìm số lớn biết rằng giữa hai số đó có 28 số lẻ.

Lời giải

Hiệu hai số là: $28 \times 2 + 1 = 57$.

Số lớn là: $(2971 + 57) : 2 = 1514$.

Số bé là: $1514 - 57 = 1457$.

Đáp số: 1457 ; 1514.

Bài 162. Cả hai kho có 567 tấn thóc. Biết kho A nhiều hơn kho B 89 tấn. Hỏi kho B có bao nhiêu tấn thóc?

Lời giải

Kho B có số thóc là: $(567 - 89) : 2 = 239$ (tấn).

Đáp số: 239 tấn thóc.

Bài 163. Hai thùng có tất cả 156 lít dầu. Nếu chuyển 12 lít dầu từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì thùng thứ nhất có ít hơn thùng thứ hai 2 lít dầu. Hỏi thùng thứ hai có bao nhiêu lít dầu?

Lời giải

Thùng thứ nhất nhiều hơn thùng thứ hai số dầu là: $12 \times 2 - 2 = 22$ (lít).

Thùng thứ hai có số dầu là: $(156 - 22) : 2 = 67$ (lít).

Đáp số: 67 lít dầu.

Bài 164. Tìm hai số có trung bình cộng bằng 187 và biết số lớn hơn số bé 48 đơn vị.

Lời giải

Tổng hai số là: $187 \times 2 = 374$.

Số lớn là: $(374 + 48) : 2 = 211$.

Số bé là: $211 - 48 = 163$.

Đáp số: 163 ; 211.

Bài 165. Tìm hai số tự nhiên có tổng bằng 2013. Biết giữa chúng có tất cả 9 số chẵn.

Lời giải

Hiệu hai số là: $9 \times 2 + 1 = 19$.

Số lớn là: $(2013 + 19) : 2 = 1016$.

Số bé là: $1016 - 19 = 997$.

Đáp số: 997 ; 1016.

Bài 166. Tổng số tuổi của hai mẹ con 5 năm trước là 47 tuổi. 3 năm sau tuổi mẹ hơn tuổi con 33 tuổi. Tính tuổi con hiện nay.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai mẹ con không thay đổi theo thời gian nên 5 năm trước mẹ vẫn hơn con 33 tuổi.

Tuổi con 5 năm trước là: $(47 - 33) : 2 = 7$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $7 + 5 = 12$ (tuổi).

Đáp số: 12 tuổi.

Bài 167. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 416 và hiệu của chúng bằng 238.

Lời giải

Số lớn là: $(416 + 238) : 2 = 327$.

Số bé là: $327 - 238 = 89$.

Đáp số: 89 ; 327.

Bài 168. Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2014. Tìm số lớn biết giữa chúng có tất cả 39 số tự nhiên khác.

Lời giải

Hiệu giữa hai số là: $39 \times 2 + 1 = 40$.

Số lớn là: $(2014 + 40) : 2 = 1027$.

Số bé là: $1027 - 40 = 987$.

Đáp số: 987 ; 1027.

Bài 169. Cho hai số lẻ có trung bình cộng bằng 127 và giữa chúng có tất cả 23 số lẻ. Tìm số lớn.

Lời giải

Tổng của hai số là: $127 \times 2 = 254$.

Hiệu giữa hai số là: $23 \times 2 + 2 = 48$.

Số lớn là: $(254 + 48) : 2 = 151$.

Số bé là: $151 - 48 = 103$.

Đáp số: 103; 151.

Bài 170. Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2012. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 25 số tự nhiên khác.

Lời giải

Hiệu hai số là: $25 \times 1 + 1 = 26$.

Số lớn là: $(2012 + 26) : 2 = 1019$.

Số bé là: $1019 - 26 = 993$.

Đáp số: 993; 1019.

Bài 171. Trung bình cộng của hai số bằng 1500, biết số bé là số lớn nhất có ba chữ số khác nhau. Tìm số lớn.

Lời giải

Số bé là: 987.

Số lớn là: $1500 \times 2 - 987 = 2013$.

Đáp số: 2013.

Bài 172. Tìm hai số chẵn liên tiếp biết tổng hai số đó bằng 430.

Lời giải

Số lớn là: $(430 + 2) : 2 = 216$.

Số bé là: $216 - 2 = 214$.

Đáp số: 214; 216.

Bài 173. An và Bình có tất cả 86 viên bi, nếu An cho Bình 7 viên bi thì An và Bình có số bi bằng nhau. Vậy An có bao nhiêu viên bi?

Lời giải

An nhiều hơn Bình số bi là: $7 \times 2 = 14$ (viên).

An có số bi là: $(86 + 14) : 2 = 50$ (viên).

Đáp số: 50 viên.

Bài 174. Một cửa hàng có 298 lít nước mắm đựng trong hai thùng. Nếu chuyển 15 lít ở thùng thứ nhất sang thùng thứ hai thì thùng thứ hai sẽ hơn thùng thứ nhất 8 lít. Hỏi thùng thứ hai chứa bao nhiêu lít nước mắm?

Lời giải

Khi chuyển từ thùng thứ nhất sang thùng thứ hai 15 lít nước mắm thì tổng số mắm đựng trong hai thùng không thay đổi.

Thùng thứ hai lúc sau có số lít nước mắm là: $(298 + 8) : 2 = 153$ (lít).

Lúc đầu thùng thứ hai chứa số lít nước mắm là: $153 - 15 = 138$ (lít).

Đáp số: 138 lít.

Bài 175. Tổng hai số chẵn bằng 400. Tìm số bé, biết giữa hai số đó có 13 số chẵn khác.

Lời giải

Hiệu hai số là: $13 \times 2 + 2 = 28$.

Số bé là: $(400 - 28) : 2 = 186$.

Đáp số: 186.

Bài 176. Hai số tự nhiên liên tiếp có tổng bằng 2015. Vậy số bé là.....

Lời giải

Hai số tự nhiên liên tiếp hơn kém nhau 1 đơn vị.

Số bé là: $(2015 - 1) : 2 = 1007$.

Đáp số: 1007.

Bài 177. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 190 và hiệu của chúng bằng 64.

Lời giải

Số lớn là: $(190 + 64) : 2 = 127$.

Số bé là: $127 - 64 = 63$.

Đáp số: 63; 127.

Bài 178. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 119 và hiệu của chúng bằng 45.

Lời giải

$$\text{Số lớn là: } (119 + 45) : 2 = 82.$$

$$\text{Số bé là: } 82 - 45 = 37.$$

$$\text{Đáp số: } 37 ; 82.$$

Bài 179. Tìm hai số biết tổng của chúng bằng 268 và hiệu của chúng bằng 86.

Lời giải

$$\text{Số bé là: } (268 - 86) : 2 = 91.$$

$$\text{Số lớn là: } 91 + 86 = 177.$$

$$\text{Đáp số: } 91 ; 177.$$

Bài 180. Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2011. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 25 số tự nhiên lẻ.

Lời giải

Tổng của chúng là 2011 nên hai số cần tìm có một số lẻ và một số chẵn.

Giữa chúng có 25 số tự nhiên lẻ nên hiệu của chúng là: $25 \times 2 + 1 = 51$.

$$\text{Số bé là: } (2011 - 51) : 2 = 980.$$

$$\text{Số lớn là: } 980 + 51 = 1031.$$

$$\text{Đáp số: } 980 ; 1031.$$

Bài 181. An và Bình có trung bình là 9 tuổi. Biết An hơn Bình 4 tuổi. Tính tuổi mỗi người.

Lời giải

$$\text{Tổng số tuổi của An và Bình là: } 9 \times 2 = 18 \text{ (tuổi).}$$

$$\text{Tuổi An là: } (18 + 4) : 2 = 11 \text{ (tuổi).}$$

$$\text{Tuổi Bình là: } 11 - 4 = 7 \text{ (tuổi).}$$

$$\text{Đáp số: } 7 \text{ tuổi; } 11 \text{ tuổi.}$$

Bài 182. Mẹ hơn con 24 tuổi. Biết năm năm nữa tổng số tuổi của hai mẹ con là 66 tuổi. Tính số tuổi hai mẹ con hiện nay

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai mẹ con không đổi theo thời gian nên 5 năm nữa mẹ vẫn hơn con 24 tuổi.

Tuổi con khi đó là: $(66 - 24) : 2 = 21$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $21 - 5 = 16$ (tuổi).

Tuổi mẹ hiện nay là: $16 + 24 = 40$ (tuổi).

Đáp số: 16 tuổi; 40 tuổi.

Bài 183. An và Bình có trung bình là 12 tuổi. Biết An hơn Bình 4 tuổi. Tính tuổi mỗi người.

Lời giải

Tổng số tuổi của An và Bình là: $12 \times 2 = 24$ (tuổi).

Tuổi An là: $(24 + 4) : 2 = 14$ (tuổi).

Tuổi Bình là: $14 - 4 = 10$ (tuổi).

Đáp số: 10 tuổi; 14 tuổi.

Bài 184. Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2009. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 15 số lẻ.

Lời giải

Tổng của chúng là 2009 nên hai số cần tìm có 1 số lẻ và 1 số chẵn.

Giữa chúng có 15 số lẻ nên hiệu của chúng là: $15 \times 2 + 1 = 31$.

Số lớn là: $(2009 + 31) : 2 = 1020$.

Số bé là: $1020 - 31 = 989$.

Đáp số: 989; 1020.

Bài 185. Khi An 10 tuổi thì bố An 40 tuổi. Tính tuổi An và tuổi bố An hiện nay biết tổng số tuổi hiện nay của hai bố con An là 60 tuổi.

Lời giải

Bố hơn An số tuổi là: $40 - 10 = 30$ (tuổi).

Hiệu số tuổi của hai bố con không thay đổi theo thời gian nên hiện nay bố vẫn hơn con 30 tuổi.

Tuổi bố hiện nay là: $(60 + 30) : 2 = 45$ (tuổi).

Tuổi An hiện nay là: $45 - 30 = 15$ (tuổi).

Đáp số: 15 tuổi; 45 tuổi.

Bài 186. Tìm hai số, biết số lớn hơn số bé 11 đơn vị và biết nếu thêm vào số lớn 19 đơn vị và thêm vào số bé 30 đơn vị ta được hai số mới có tổng bằng 4000.

Lời giải

Tổng hai số là: $4000 - 19 - 30 = 3951$.

Số bé là: $(3951 - 11) : 2 = 1970$.

Số lớn là: $1970 + 11 = 1981$.

Đáp số: 1970; 1981.

Bài 187. Tìm hai số chẵn liên tiếp có tổng bằng 390.

Lời giải

Hai số chẵn liên tiếp cách nhau 2 đơn vị nên hiệu 2 số là 2.

Số lớn là: $(390 + 2) : 2 = 196$.

Số bé là: $196 - 2 = 194$.

Đáp số: 194; 196.

Bài 188. Hồng và Hà có tất cả 76 viên bi. Biết nếu Hồng cho Hà 5 viên bi thì Hồng vẫn nhiều hơn Hà 2 viên bi. Tính số bi của mỗi bạn.

Lời giải

Hồng nhiều hơn Hà số bi là: $5 \times 2 + 2 = 12$ (viên).

Hồng có số bi là: $(76 + 12) : 2 = 44$ (viên).

Hà có số bi là: $44 - 12 = 32$ (viên).

Đáp số: Hồng: 44 viên bi; Hà: 32 viên bi.

Bài 189. Cho hai số có tổng bằng 179 và hiệu bằng 83. Tìm số bé.

Lời giải

Số lớn là: $(179 + 83) : 2 = 131$.

Số bé là: $131 - 83 = 48$.

Đáp số: 48; 131.

Bài 190. Cho hai số có tổng bằng 208 và hiệu bằng 52. Tìm số lớn.

Lời giải

Số lớn là: $(208 + 52) : 2 = 130$.

Đáp số: 130.

Bài 191. Hạnh và Đạt có tất cả 92 viên bi. Biết nếu Hạnh cho Đạt 14 viên bi thì số bi của hai bạn bằng nhau. Tính số bi của mỗi bạn.

Lời giải

Hạnh nhiều hơn Đạt số bi là: $14 \times 2 = 28$ (viên).

Hạnh có số bi là: $(92 + 28) : 2 = 60$ (viên).

Đạt có số bi là: $60 - 28 = 32$ (viên).

Đáp số: Hạnh: 60 viên bi; Đạt: 32 viên bi.

Bài 192. Tìm hai số biết số lớn hơn số bé 20 đơn vị và biết nếu thêm vào số lớn 31 đơn vị và thêm vào số bé 75 đơn vị thì ta được hai số mới có tổng bằng 2014.

Lời giải

Tổng của hai số là: $2014 - 31 - 75 = 1908$.

Số lớn là: $(1908 + 20) : 2 = 964$.

Số bé là: $964 - 20 = 944$.

Đáp số: 944 ; 964.

Bài 193. Hai kho thóc chứa tất cả 860 tấn thóc. Biết nếu chuyển từ kho A sang kho B 25 tấn thì số thóc ở hai kho bằng nhau. Tính số thóc ở mỗi kho?

Lời giải

Kho A nhiều hơn kho B số thóc là: $25 \times 2 = 50$ (tấn).

Kho A có số thóc là: $(860 + 50) : 2 = 455$ (tấn).

Kho B có số thóc là: $455 - 50 = 405$ (tấn).

Đáp số: Kho A: 455 tấn thóc; Kho B: 405 tấn thóc.

Bài 194. Tổng hai số chẵn liên tiếp bằng 2014. Vậy số lớn là.....

Lời giải

Hai số chẵn liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị, nên hiệu hai số là 2.

Số lớn là: $(2014 + 2) : 2 = 1008$.

Đáp số: 1008.

Bài 195. Tổng của hai số lẻ liên tiếp bằng 2016. Vậy số bé là.....

Lời giải

Tổng của hai số lẻ liên tiếp hơn kém nhau 2 đơn vị nên hiệu hai số là 2.

Số bé là: $(2016 - 2) : 2 = 1007$.

Đáp số: 1007.

Bài 196. Tổng hai số tự nhiên bằng 2013. Tìm số lớn, biết giữa hai số đó có tất cả 20 số tự nhiên chẵn.

Lời giải

Tổng hai số bằng 2013 là số lẻ nên trong hai số phải tìm có một số chẵn và một số lẻ.

Giữa hai số có tất cả 20 số chẵn nên hiệu của hai số là: $20 \times 2 + 1 = 41$.

Số lớn là: $(2013 + 41) : 2 = 1027$.

Đáp số: 1027.

Bài 197. Cho hai số có trung bình cộng bằng 326 và hiệu của chúng bằng 108. Tìm hai số đó.

Lời giải

Tổng của hai số là: $326 \times 2 = 652$.

Số lớn là: $(652 + 108) : 2 = 380$.

Số bé là: $380 - 108 = 272$.

Đáp số: 272 ; 380.

Bài 198. Cho hai số lẻ có trung bình cộng bằng 1080 và giữa chúng có 54 số lẻ. Tìm hai số đó.

Lời giải

Tổng của hai số là: $1080 \times 2 = 2160$.

Hiệu hai số là: $54 \times 2 + 2 = 110$.

Số lớn là: $(2160 + 110) : 2 = 1135$.

Số bé là: $1135 - 110 = 1025$.

Đáp số: 1025; 1135.

Bài 199. Cho ba số có tổng bằng 272. Biết số thứ nhất kém số thứ hai 36 đơn vị và hơn số thứ ba 43 đơn vị. Tìm số thứ ba.

Lời giải

Số thứ hai hơn số thứ ba số đơn vị là: $36 + 43 = 79$ (đơn vị).

Số thứ ba là: $(272 - 79 - 43) : 3 = 50$.

Đáp số: 50.

Bài 200. Trung bình cộng của hai số bằng 86. Số lớn hơn số bé 12 đơn vị. Tìm hai số.

Lời giải

Tổng của hai số là: $86 \times 2 = 172$.

Số bé là: $(172 - 12) : 2 = 80$.

Số lớn là: $80 + 12 = 92$.

Đáp số: 80; 92.

Bài 201. Trung bình cộng của hai số bằng 45, biết số thứ nhất bằng 34. Tìm số thứ hai.

Lời giải

Tổng của hai số là: $45 \times 2 = 90$.

Số thứ hai là: $90 - 34 = 56$.

Đáp số: 56.

Bài 202. Cho hai số lẻ có trung bình cộng bằng 708 và giữa chúng có 35 số chẵn. Tìm số lớn.

Lời giải

Tổng của hai số là: $708 \times 2 = 1416$.

Hiệu giữa hai số là: $35 \times 2 = 70$.

Số lớn là: $(1416 + 70) : 2 = 743$.

Đáp số: 743.

Bài 203. Tổng hai số tự nhiên liên tiếp bằng 2014. Tìm số lớn biết giữa hai số đó có 19 số tự nhiên khác.

Lời giải

Hiệu giữa hai số là: $19 \times 1 + 1 = 20$.

Số lớn là: $(2014 + 20) : 2 = 1017$.

Đáp số: 1017.

Bài 204. Cho hai số có trung bình cộng bằng 638 và hiệu của chúng bằng 254. Tìm số bé.

Lời giải

Tổng của chúng là: $638 \times 2 = 1276$.

Số bé là: $(1276 - 254) : 2 = 511$.

Đáp số: 511.

Bài 205. Trung bình cộng của hai số bằng 198, biết số lớn hơn số bé 42 đơn vị. Tìm số lớn.

Lời giải

Tổng của hai số là: $198 \times 2 = 396$.

Số lớn là: $(396 + 42) : 2 = 219$.

Đáp số: 219.

Bài 206. Trung bình cộng của hai số lẻ là số bé nhất có ba chữ số. Số lớn hơn số bé 28 đơn vị. Tìm số lớn.

Lời giải

Tổng của hai số là: $101 \times 2 = 202$.

Số lớn là: $(202 + 28) : 2 = 115$.

Đáp số: 115.

Bài 207. Tìm hai số có tổng bằng 77, biết rằng giữa chúng có 4 số chẵn.

Lời giải

Tổng của chúng là một số lẻ nên trong hai số phải có một số lẻ và một số chẵn.

Giữa chúng có bốn số chẵn nên hiệu của chúng là: $4 \times 2 + 1 = 9$.

Số bé là: $(77 - 9) : 2 = 34$.

Số lớn là: $34 + 9 = 43$.

Đáp số: 34; 43.

Bài 208. Tìm hai số biết trung bình cộng của chúng bằng 123 và số thứ nhất hơn số thứ hai 46 đơn vị. Số thứ nhất là:.....; số thứ hai là:.....

Lời giải

Tổng của hai số là: $123 \times 2 = 246$.

Số thứ hai là: $(246 - 46) : 2 = 100$.

Số thứ nhất là: $100 + 46 = 146$.

Đáp số: 146; 100.

Bài 209. Cuộn dây thứ nhất dài hơn cuộn dây thứ hai 55 m. Nếu cuộn dây thứ nhất cắt đi 5 m thì tổng chiều dài hai cuộn dây là 140 m. Lúc đầu cuộn dây thứ nhất dài.....m.

Lời giải

Tổng chiều dài hai cuộn dây là: $140 + 5 = 145$ (m).

Cuộn dây thứ nhất dài là: $(145 + 55) : 2 = 100$ (m).

Đáp số: 100 m.

Bài 210. Một cửa hàng lương thực nhập về hai đợt được tổng cộng 134 tấn thóc. Nếu đợt một nhập tăng 11 tấn và đợt hai giảm 11 tấn thì số thóc nhập hai đợt bằng nhau. Đợt một cửa hàng nhập về.....tấn thóc; đợt hai cửa hàng nhập về:.....tấn thóc.

Lời giải

Đợt hai nhập nhiều hơn đợt một số thóc là: $11 \times 2 = 22$ (tấn).

Đợt hai nhập về số thóc là: $(134 + 22) : 2 = 78$ (tấn).

Đợt một nhập về số thóc là: $78 - 22 = 56$ (tấn).

Đáp số: 56 tấn thóc; 78 tấn thóc.

Bài 211. Tổng của chúng bằng hiệu của chúng và bằng 2014. (0; 2014).

Bài 212. Trung bình cộng của hai số lẻ là 950. Tìm hai số đó biết rằng giữa chúng có 91 số chẵn.

Lời giải

Tổng của hai số là: $950 \times 2 = 1900$.

Hiệu của hai số là: $91 \times 2 = 182$.

Số lớn là: $(1900 + 182) : 2 = 1041$.

Số bé là: $1041 - 182 = 859$.

Đáp số: 859; 1041.

Bài 213. Tổng của ba số lớn hơn số thứ ba 11458 đơn vị. Số thứ hai kém số thứ nhất 234 đơn vị. Tìm số thứ nhất.

Lời giải

Tổng của ba số hơn số thứ ba 11584 đơn vị nên tổng của số thứ nhất và số thứ hai là 11458.

Số thứ nhất là: $(11458 + 234) : 2 = 5846$.

Đáp số: 5846.

Bài 214. Tổng của ba số lẻ liên tiếp bằng 2457. Vậy số lớn nhất trong ba số đó là số nào?

Lời giải

Số lớn nhất trong ba số là: $(2457 + 4 + 2) : 3 = 821$.

Đáp số: 821.

Bài 215. Tìm hai số có tổng bằng 295, biết số lớn hơn số bé 81 đơn vị.

Lời giải

Số lớn là: $(295 + 81) : 2 = 188$.

Số bé là: $188 - 81 = 107$.

Đáp số: 107; 188.

Bài 216. Tìm hai số chẵn có tổng bằng 390, biết giữa chúng có tất cả 8 số chẵn khác.

Lời giải

Hiệu hai số là: $8 \times 2 + 2 = 18$.

Số lớn là: $(390 + 18) : 2 = 204$.

Số bé là: $204 - 18 = 186$.

Đáp số: 186; 204.

Bài 217. Tìm hai số tự nhiên có tổng bằng 417, biết giữa chúng có tất cả 18 số lẻ.

Lời giải

Tổng của chúng là 417 nên hai số cần tìm có một số chẵn và một số lẻ.

Giữa chúng có 18 số tự nhiên lẻ nên hiệu của chúng là: $18 \times 2 + 1 = 37$.

Số lớn là: $(417 + 37) : 2 = 227$.

Số bé là: $227 - 37 = 190$.

Đáp số: 190; 227.

Bài 218. Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2011. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 40 số chẵn.

Lời giải

Tổng của chúng là 2011 nên hai số cần tìm có một số chẵn và một số lẻ.

Giữa chúng có 40 số tự nhiên lẻ nên hiệu của chúng là: $40 \times 2 + 1 = 81$.

Số bé là: $(2011 - 81) : 2 = 965$.

Số lớn là: $965 + 81 = 1046$.

Đáp số: 965; 1046.

Bài 219. Tổng của hai số chẵn bằng 900. Tìm hai số đó biết giữa chúng có 49 số chẵn khác.

Lời giải

Giữa chúng có 49 số chẵn nên giữa chúng có 49 khoảng cách 2 đơn vị, thêm 1 khoảng cách của hai số cần tìm nữa là $49 + 1 = 50$ khoảng cách 2 đơn vị.

Vậy hiệu hai số là: $50 \times 2 = 100$.

Số bé là: $(900 - 100) : 2 = 400$.

Số lớn là: $400 + 100 = 500$.

Đáp số: 400; 500.

Bài 220. Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2010. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 199 số tự nhiên khác.

Lời giải

Hiệu của chúng là: $199 + 1 = 200$.

Số bé là: $(2010 - 200) : 2 = 905$.

Số lớn là: $905 + 200 = 1105$.

Đáp số: 905 ; 1105.

Bài 221. Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 9999. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 999 số tự nhiên chẵn.

Lời giải

Tổng của chúng là 9999 nên hai số cần tìm có một số lẻ và một số chẵn.

Giữa chúng có 999 số tự nhiên chẵn nên hiệu của chúng là: $999 \times 2 + 1 = 1999$.

Số bé là: $(9999 - 1999) : 2 = 4000$.

Số lớn là: $4000 + 1999 = 5999$.

Đáp số: 4000 ; 5999.

Bài 222. Cho hai số tự nhiên có tổng bằng 2009. Tìm hai số đó biết giữa chúng có tất cả 100 số tự nhiên khác.

Lời giải

Tổng của chúng là 2009 nên hai số cần tìm có một số lẻ và một số chẵn.

Giữa chúng có 100 số tự nhiên nên hiệu của chúng là: $100 \times 2 + 1 = 201$.

Số lớn là: $(2009 + 201) : 2 = 1105$.

Số bé là: $1105 - 201 = 904$.

Đáp số: 904 ; 1105.

Bài 223. Tìm tổng của hai số biết hiệu của hai số bằng 172 và hiệu đó bằng một nửa số bé.

Lời giải

Số bé là: $172 \times 2 = 344$.

Số lớn là: $344 + 172 = 516$.

Tổng của hai số là: $344 + 516 = 860$.

Đáp số: 860.

Bài 224. Tổng hai số chẵn bằng 120. Tìm số lớn biết giữa chúng có tất cả 10 số lẻ.

Lời giải

Hiệu của hai số là: $10 \times 2 = 20$.

Số lớn là: $(120 + 20) : 2 = 70$.

Đáp số: 70.

Bài 225. Tổng hai số lẻ bằng 200. Tìm số bé biết giữa chúng có 8 số lẻ khác.

Lời giải

Giữa chúng có 8 số tự nhiên lẻ nên hiệu của chúng là: $8 \times 2 + 2 = 18$.

Số bé là: $(200 - 18) : 2 = 91$.

Đáp số: 91.

Bài 226. Có ba rô bốt chuyên 25 khối. Nếu rô bốt A chuyên thêm 2 khối nữa thì cả ba rô bốt chuyên bằng nhau. Rô bốt A chuyên được.....khối.

Lời giải

Nếu rô bốt A chuyên thêm 2 khối nữa thì mỗi rô bốt chuyên được số khối là:

$$25 + 2 = 27 \text{ (khối)}$$

Lúc đó mỗi rô bốt chuyên được số khối là: $27 : 3 = 9$ (khối).

Thực tế rô bốt A chuyên được số khối là: $9 - 2 = 7$ (khối).

Đáp số: 7 khối.

Bài 227. Một cửa hàng có vừa gạo tẻ và gạo nếp là 240 kg. Sau khi bán một số gạo nếp bằng số gạo tẻ thì còn lại 48 kg gạo tẻ và 30 kg gạo nếp. Số gạo tẻ lúc đầu là:.....kg.

Lời giải

Cách 1:

Gạo tẻ hơn gạo nếp số ki – lô – gam là: $48 - 30 = 18$ (kg).

Số gạo tẻ lúc đầu là: $(240 + 18) : 2 = 129$ (kg).

Cách 2:

Tổng số gạo đã bán là: $240 - (48 + 30) = 162$ (kg).

Số gạo tẻ đã bán là: $162 : 2 = 81$ (kg).

Số gạo tẻ lúc đầu là: $81 + 48 = 129$ (kg).

Đáp số: 129 kg gạo tẻ.

Bài 228. Hiện nay tuổi mẹ hơn tuổi con 30 tuổi. Đến năm 2010 thì tổng số tuổi của hai mẹ con là 46 tuổi. Con sinh năm.....

Lời giải

Hiệu số tuổi không thay đổi theo thời gian nên năm 2010 thì mẹ vẫn hơn con 30 tuổi.

Tuổi con năm 2010 là: $(46 - 30) : 2 = 8$ (tuổi).

Con sinh năm: $2010 - 8 = 2002$.

Đáp số: 2002.

Bài 229. Tổng hai số lẻ bằng 226; giữa chúng có hai số chẵn liên tiếp. Số bé:.....; số lớn:.....

Lời giải

Hiệu của chúng là: $2 \times 2 = 4$.

Số lớn là: $(226 + 4) : 2 = 115$.

Số bé là: $115 - 4 = 111$.

Đáp số: 111; 115.

Bài 230. Tổng hai số chẵn bằng 210; giữa chúng có 5 số lẻ liên tiếp. Số lớn:.....; số bé:.....

Lời giải

Hiệu của chúng là: $5 \times 2 = 10$.

Số lớn là: $(210 + 10) : 2 = 110$.

Số bé là: $110 - 10 = 100$.

Đáp số: 110; 100.

Bài 231. Một xe chở 945 kg gạo tẻ và gạo nếp. Số túi gạo tẻ bằng số túi gạo nếp. 1 túi gạo tẻ nặng 15 kg; 1 túi gạo nếp nặng 12 kg. Số gạo tẻ là:.....kg; số gạo nếp là:.....kg.

Lời giải

Một túi gạo tẻ hơn một túi gạo nếp số ki-lô-gam là: $15 - 12 = 3$ (kg).

Mỗi loại gạo tẻ, gạo nếp được chia ra số túi là: $945 : (15 + 12) = 35$ (túi).

Số gạo tẻ là: $15 \times 35 = 525$ (kg).

Số gạo nếp là: $525 - 105 = 420$ (kg).

Đáp số: 525 kg; 420 kg.

Bài 232. Một lớp có 36 học sinh; số học sinh nữ hơn số học sinh nam là 18 em. Tỉ số nam và nữ là:.....

Lời giải

Số học sinh nữ là: $(36 + 18) : 2 = 27$ (em).

Số học sinh nam là: $27 - 18 = 9$ (em).

Tỉ số nam và nữ là: $9 : 27 = 1 : 3$.

Đáp số: 1 : 3.

Bài 233. Có 360 kg táo và vải; số vải hơn số táo 40 kg. Tỉ số khối lượng táo và vải là:.....

Lời giải

Số ki-lô-gam vải là: $(360 + 40) : 2 = 200$ (kg).

Số ki-lô-gam táo là: $200 - 40 = 160$ (kg).

Tỉ số khối lượng táo và vải là: $160 : 200 = 4 : 5$.

Đáp số: 4 : 5.

Bài 234. Trung bình cộng của hai số là 123. Số thứ nhất hơn số thứ hai là 58. Tìm hai số đó.

Lời giải

Tổng hai số là: $123 \times 2 = 246$.

Số thứ nhất là: $(246 + 58) : 2 = 152$.

Số thứ hai là: $152 - 58 = 94$.

Đáp số: 152; 94.

Bài 235. Tìm hai số tự nhiên chẵn, biết trung bình cộng của chúng bằng 26 và giữa chúng có 8 số lẻ. Số bé là:.....; số lớn là:.....

Lời giải

$$\text{Tổng hai số là: } 26 \times 2 = 52 .$$

$$\text{Hiệu hai số là: } 8 \times 2 = 16 .$$

$$\text{Số lớn là: } (52 + 16) : 2 = 34 .$$

$$\text{Số bé là: } 34 - 16 = 18 .$$

$$\text{Đáp số: } 18 ; 34 .$$

Bài 236. Tìm tổng của hai số, biết hiệu hai số bằng 432 và hiệu bằng $\frac{1}{2}$ số bé. Tổng hai số là:.....

Lời giải

$$\text{Số bé là: } 432 \times 2 = 864 .$$

$$\text{Số lớn là: } 864 + 432 = 1296 .$$

$$\text{Tổng hai số là: } 864 + 1296 = 2160 .$$

$$\text{Đáp số: } 2160 .$$

Bài 237. Tìm một phân số, biết tổng tử số và mẫu số là 99; mẫu số lớn hơn tử số 29 đơn vị. Phân số đó là?

Lời giải

$$\text{Tử số là: } (99 - 29) : 2 = 35 .$$

$$\text{Mẫu số là: } 35 + 29 = 64 .$$

$$\text{Phân số đó là: } \frac{35}{64} .$$

$$\text{Đáp số: } \frac{35}{64} .$$

Bài 238. Cuộn dây thứ nhất hơn cuộn dây thứ hai 35 m; nếu cuộn thứ nhất bớt 5 m thì tổng hai cuộn là 100 m. Hỏi cuộn dây thứ nhất dài bao nhiêu mét?

Lời giải

Tổng hai cuộn dây là: $100 + 5 = 105$ (m).

Cuộn dây thứ nhất dài là: $(105 + 35) : 2 = 70$ (m).

Đáp số: 70 m.

Bài 239. Anh hơn em 5 tuổi. 5 năm sau số tuổi của hai anh em là 25. Hiện nay anh:.....tuổi; em:.....tuổi.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai anh em không thay đổi theo thời gian nên 5 năm sau anh vẫn hơn em 5 tuổi.

Tuổi anh khi đó là: $(25 + 5) : 2 = 15$ (tuổi).

Tuổi anh hiện nay là: $15 - 5 = 10$ (tuổi).

Tuổi em hiện nay là: $10 - 5 = 5$ (tuổi).

Đáp số: 10 tuổi, 5 tuổi.

Bài 240. Tổng của hai số chẵn là 212, giữa chúng có 4 số lẻ. Hai số đó là:.....

Lời giải

Hiệu của chúng là: $4 \times 2 = 8$.

Số lớn là: $(212 + 8) : 2 = 110$.

Số bé là: $110 - 2 = 108$.

Đáp số: 108; 110.

Bài 241. Hai bố con nặng tất cả 91 kg. Bố nặng hơn con 41 kg. Con nặng:.....kg; bố nặng:.....kg.

Lời giải

Con nặng số ki-lô-gam là: $(91 - 41) : 2 = 25$ (kg).

Bố nặng số ki-lô-gam là: $25 + 41 = 66$ (kg).

Đáp số: 25 kg; 66 kg.

Bài 242. Năm nay ông hơn cháu 59 tuổi. Hai năm trước tổng số tuổi của hai ông cháu bằng 81 tuổi. Hiện nay tuổi ông là:.....tuổi; tuổi cháu là:.....tuổi.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai ông cháu không đổi theo thời gian nên hai năm trước ông vẫn hơn cháu 59 tuổi.

Tuổi cháu hai năm trước là: $(81 - 59) : 2 = 11$ (tuổi).

Tuổi ông hiện nay là: $13 + 59 = 72$ (tuổi).

Đáp số: 13 tuổi; 72 tuổi.

Bài 243. Cách đây 3 năm tổng số tuổi của hai bố con bằng 50 tuổi; con kém bố 28 tuổi. Hiện nay tuổi bố là:.....tuổi; hiện nay tuổi con là:.....tuổi.

Lời giải

Tuổi con 3 năm trước là: $(50 - 28) : 2 = 11$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $11 + 3 = 14$ (tuổi).

Tuổi bố hiện nay là: $14 + 28 = 42$ (tuổi).

Đáp số: 14 tuổi; 42 tuổi.

Bài 244. Sau đây 3 năm tổng số tuổi của hai bố con bằng 50 tuổi; con kém bố 28 tuổi. Hiện nay tuổi bố là:.....tuổi; hiện nay tuổi con là:.....tuổi.

Lời giải

Tuổi con ba năm sau là: $(50 - 28) : 2 = 11$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $11 - 3 = 8$ (tuổi).

Tuổi bố hiện nay là: $8 + 28 = 36$ (tuổi).

Đáp số: 8 tuổi; 36 tuổi.

Bài 245. Một lớp học có 4 tổ, mỗi tổ có 8 học sinh. Số học sinh trai hơn số học sinh gái là 4. Lớp đó có số học sinh trai là:.....; số học sinh gái là:.....

Lời giải

Tổng số học sinh là: $4 \times 8 = 32$ (học sinh).

Số học sinh trai là: $(32 + 4) : 2 = 18$ (học sinh).

Số học sinh gái là: $18 - 4 = 14$ (học sinh).

Đáp số: 14 học sinh gái; 18 học sinh trai.

Bài 246. Tổng của hai số là 6789 và nếu giảm số lớn đi 567 đơn vị thì được số bé. Số lớn là:.....; số bé là:.....

Lời giải

Số lớn là: $(6789 + 567) : 2 = 3678$.

Số bé là: $3678 - 567 = 3111$.

Đáp số: 3678; 3111.

Bài 247. Có hai thùng dầu, thùng thứ nhất hơn thùng thứ hai 3 lít. Nếu thêm vào thùng thứ nhất 2 lít và thêm vào thùng thứ hai 5 lít thì tổng số lít ở hai thùng là 48 lít. Thùng thứ nhất chứa:.....lít; thùng thứ hai chứa:.....lít.

Lời giải

Tổng số dầu hai thùng có là: $48 - 2 - 5 = 41$ (lít).

Thùng thứ nhất có số dầu là: $(41 + 3) : 2 = 22$ (lít).

Thùng thứ hai có số dầu là: $22 - 3 = 19$ (lít).

Đáp số: 22 lít; 19 lít.

Bài 248. Năm nay tổng số tuổi của hai mẹ con là 48 tuổi. 5 năm trước tuổi mẹ hơn tuổi con là 24 tuổi. Tuổi mẹ hiện nay là:.....tuổi; tuổi con hiện nay là:.....tuổi.

Lời giải

Hiệu số tuổi của hai mẹ con không thay đổi theo thời gian nên hiện nay mẹ vẫn hơn con 24 tuổi.

Tuổi mẹ hiện nay là: $(24 + 48) : 2 = 36$ (tuổi).

Tuổi con hiện nay là: $36 - 24 = 12$ (tuổi).

Đáp số: 12 tuổi; 36 tuổi.

Bài 249. Hiện nay tổng số tuổi của hai mẹ con là 36 tuổi, con kém mẹ 26 tuổi. Tuổi con là:.....

Lời giải

Tuổi con hiện nay là: $(36 - 26) : 2 = 5$ (tuổi).

Đáp số: 5 tuổi.